

**ĐOÀN KẾT, THỐNG NHẤT, XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ
VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH,
VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN; TỰ TIN, TỰ LỰC,
TỰ CƯỜNG, TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN
TỈNH HUNG YÊN NHANH, BỀN VỮNG
THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI,
GIÀU ĐẸP, PHỒN VINH, VĂN MINH, HẠNH PHÚC**

*(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I,
nhiệm kỳ 2025 - 2030)*

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là dấu mốc quan trọng, đánh dấu một chương mới cho sự phát triển tỉnh Hưng Yên với một không gian mở rộng, tiềm năng, lợi thế lớn hơn; thể hiện ý chí, khát vọng phát triển của cán bộ, đảng viên, nhân dân tỉnh Hưng Yên. Với phương châm **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”**, Đại hội kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, những quyết sách quan trọng trong 5 năm, 10 năm và hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045, xây dựng, phát triển tỉnh Hưng Yên nhanh, bền vững hơn, trở thành tỉnh

công nghiệp hiện đại và là thành phố trực thuộc Trung ương giàu đẹp, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Phần thứ nhất
**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên và Đảng bộ tỉnh Thái Bình nhiệm kỳ 2020 - 2025 được tổ chức thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới thay đổi nhanh, phức tạp, nhiều yếu tố bất ổn, khó dự báo. Hòa bình, an ninh thế giới và khu vực đứng trước nhiều thách thức; xung đột vũ trang, chiến tranh ở một số nơi, nhất là ở Ucraina, Trung Đông; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 bùng phát; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cạnh tranh thương mại, công nghệ ngày càng gay gắt; chính quyền Trump thực hiện chính sách thuế đối ứng; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu suy giảm. Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số diễn ra nhanh, tác động sâu sắc, toàn diện đến đời sống xã hội. Đất nước ta gặp nhiều khó khăn, thách thức hơn thuận lợi do bị tác động mạnh bởi các yếu tố bất lợi bên ngoài; vừa phải giải quyết những vấn đề phức tạp mới nảy sinh, vừa phải xử lý các yếu kém, tồn đọng từ nhiều năm trước.

Sau khi tỉnh Hưng Yên (cũ) và tỉnh Thái Bình hợp nhất thành tỉnh Hưng Yên (mới)¹ với tổng diện tích tự

1. Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV.

nhện 2.514,81km², dân số trên 3,5 triệu người, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (mới) được thành lập¹ và đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 gồm 108 tổ chức đảng trực thuộc với khoảng 182.000 đảng viên.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội và sự phối hợp, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành Trung ương, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Hưng Yên đã kế thừa và phát huy những thành quả đạt được trong các nhiệm kỳ trước, quyết tâm, nỗ lực, đoàn kết vượt qua khó khăn, thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện, nhiều dấu ấn nổi bật.

I- NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU

1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được đẩy mạnh toàn diện; năng lực, hiệu quả, vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đảng viên được nâng cao; kỷ cương, kỷ luật, các nguyên tắc tổ chức của Đảng được giữ vững và tăng cường

Công tác xây dựng Đảng về chính trị được đặc biệt chú trọng. Bản lĩnh chính trị, trình độ tư duy, trí tuệ, năng lực

1. Trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (cũ) và Đảng bộ tỉnh Thái Bình theo Quyết định số 311-QĐ/TW, ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị.

lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu được nâng lên; bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, thống nhất của Đảng; bảo đảm các nguyên tắc tổ chức, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều chủ trương, quyết sách mang tính đột phá và nhiều biện pháp chỉ đạo linh hoạt, chủ động, thích ứng hiệu quả. Công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả nội dung, hình thức. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực.

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được tăng cường theo hướng gắn kết chặt chẽ thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên giữ vững lập trường tư tưởng, thống nhất nhận thức về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng. Tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Công tác thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ đổi mới mạnh mẽ, đóng vai trò nòng cốt nắm bắt, phản ánh, dự báo, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội và phổ biến, quán triệt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng được đổi mới, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, đa dạng về phương thức, phù hợp với điều kiện thực tế và

ứng dụng công nghệ hiện đại. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt coi trọng. Các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên tích cực rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống và thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Kịp thời đấu tranh, ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống. Tăng cường giáo dục, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, tư cách đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa”. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nhiều đổi mới, sáng tạo và được cụ thể hóa theo chuyên đề hằng năm gắn với nhiệm vụ chính trị và hành động rõ ràng. Nhận thức, phong cách, lề lối làm việc, trách nhiệm, đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên có sự chuyển biến tích cực.

Đổi mới phương thức lãnh đạo; nâng cao năng lực, vai trò, hiệu quả lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng; đổi mới tư duy, phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc, phương pháp công tác khoa học, dân chủ, khách quan, sâu sát. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với tích cực chuyển đổi số; bảo đảm nguyên tắc tổ chức của Đảng. Các cấp ủy đảng đã sửa đổi, bổ sung kịp thời quy chế làm việc; quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực. Các cấp ủy,

tổ chức đảng luôn giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, cả trong nhận thức và hành động. Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng các nghị quyết của các cấp ủy đảng; tập trung giải quyết các điểm nghẽn, nút thắt hoặc định hướng, cho chủ trương về những vấn đề lớn, quan trọng, phức tạp ở địa phương nhưng không bao biện, làm thay. Nghị quyết của cấp ủy đảng kịp thời được tuyên truyền, phổ biến, quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai; thể chế hóa thành các văn bản, quy định; thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện và kịp thời sơ kết, tổng kết.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức mô hình chính quyền hai cấp tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Từ ngày 01/3/2025, đã hoàn thành sắp xếp cơ quan tham mưu, giúp việc của các cấp ủy đảng, các sở, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Từ ngày 01/7/2025, mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp với 104 đơn vị hành chính cấp xã nhanh chóng ổn định và đi vào hoạt động, gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn. Hệ thống các tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cũng được nhanh chóng sắp xếp phù hợp với các đơn vị hành chính mới. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được kịp thời bố trí, sắp xếp, kiện toàn. Thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

đạt được mục tiêu đề ra; bảo đảm minh bạch, dân chủ, đúng mục tiêu, định hướng, lộ trình và giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, hệ thống chính trị của tỉnh, sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên và nhân dân; các cơ quan, đơn vị hoạt động bình thường, thông suốt, mọi nhiệm vụ không gián đoạn, bỏ trống địa bàn, lĩnh vực. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã tinh gọn hơn; giảm số lượng cơ quan, đơn vị, cấp hành chính; giảm cấp trung gian, các đầu mối bên trong của từng tổ chức, cơ quan; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ¹.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng chính quyền liên chính, hành động, phục vụ nhân dân, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đi đôi với cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ hiện đại và đổi mới phương thức quản lý. Chính quyền các cấp thường xuyên sửa đổi, bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách, quy định và khắc phục sự bất cập, chồng chéo trong các văn bản quy định của tỉnh; kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, đã giảm được 18 đơn vị hành chính cấp huyện; 381 đơn vị hành chính cấp xã; 340 tổ chức đảng, 2 cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, 10 cơ quan khối chính quyền tỉnh, 92 đơn vị sự nghiệp công lập và 236 đầu mối bên trong của các cơ quan, đơn vị. Tỉnh giảm 6.113 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, trong đó có 432 người giữ chức danh lãnh đạo, quản lý.

giải trình; siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của các cơ quan hành chính; lễ lối, phong cách phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức lấy người dân làm trung tâm. Mô hình “Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ”, “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp” bước đầu được triển khai hiệu quả. Thực hiện triển khai quyết liệt các chủ trương, giải pháp chuyển đổi số. Các trung tâm phục vụ hành chính công được đầu tư đồng bộ trang thiết bị, điều kiện làm việc bảo đảm cùng phong cách, thái độ của cán bộ phục vụ tận tình, thân thiện với người dân, nhờ đó đã nâng cao chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Hầu hết các dịch vụ công đủ điều kiện đã được triển khai trực tuyến cấp độ 4 và phương thức toàn trình; người dân tiếp cận dịch vụ công thuận lợi, nhanh, thủ tục đơn giản, chính xác.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức và uy tín, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh. Công tác tổ chức, cán bộ có nhiều đổi mới, trong đó tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, khách quan, dân chủ, bám sát tiêu chí đánh giá, coi trọng năng lực, trình độ, phẩm chất, đạo đức và đo lường bằng sản phẩm cụ thể. Từ năm 2023, phương thức đánh giá cán bộ hằng tháng được triển khai dựa trên kết quả công tác, mức độ hoàn thành về số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả chủ trương bí thư cấp ủy

cấp huyện không phải là người địa phương¹, bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố², thí điểm bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn không phải là người địa phương³. Rà soát, ban hành đồng bộ, hệ thống văn bản về công tác cán bộ. Kịp thời rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, có sự kế tiếp liên tục giữa các thế hệ. Công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ được đổi mới, đã tổ chức thi tuyển vị trí chức danh lãnh đạo cấp sở, cấp phòng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được cấp ủy các cấp đặc biệt quan tâm⁴.

Công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên đạt nhiều kết quả quan trọng, tăng cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức cơ sở đảng được sắp xếp, kiện toàn đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng, duy trì nghiêm túc nền nếp, chế độ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy. Triển khai thí điểm sinh hoạt theo tổ đảng ở một số tổ chức cơ sở đảng có nhiều

1. Tỉnh Hưng Yên (cũ): 100% bí thư cấp ủy cấp huyện và 60% chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố không là người địa phương. Tỉnh Thái Bình: 100% bí thư cấp ủy cấp huyện và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện không là người địa phương.

2. Tỉnh Hưng Yên (cũ) đạt 96,37%; tỉnh Thái Bình đạt 2,28%.

3. Tỉnh Hưng Yên (cũ) thực hiện thí điểm đạt 40,4% bí thư đảng ủy (kế hoạch là 30%) và 19,9% chủ tịch ủy ban nhân dân (kế hoạch là 10%) xã, phường, thị trấn không là người địa phương.

4. Trong giai đoạn 2021 - 2025, có 139.837 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

đảng viên. Đảng viên kết nạp mới tăng khá nhanh¹. Xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong đơn vị kinh tế tư nhân đạt kết quả tích cực². Các cấp ủy đảng tăng cường quản lý đảng viên; thường xuyên rà soát, đánh giá, sàng lọc, hướng dẫn, giúp đỡ và kiên quyết đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng³.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục quan tâm, kịp thời nắm bắt, giải quyết những vấn đề liên quan đến chính trị hiện tại, lịch sử chính trị. Công tác thẩm tra, xác minh, thẩm định và kết luận tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, đảng viên phục vụ công tác cán bộ được thực hiện nghiêm túc, thận trọng, khách quan.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được tăng cường, tạo nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng, hiệu quả được nâng lên, góp phần giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật đảng. Nội dung, hình thức và phương pháp kiểm tra, giám sát có nhiều đổi mới; chú trọng kiểm tra, giám sát trách nhiệm

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh kết nạp được trên 13.562 đảng viên mới, trong đó, tỉnh Hưng Yên (cũ) kết nạp 7.564 đảng viên; tỉnh Thái Bình kết nạp 5.998 đảng viên.

2. Hưng Yên thành lập mới 74 tổ chức đảng, nâng tổng số tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân lên 227 tổ chức, tăng 46,8%; kết nạp mới 791 đảng viên, nâng tổng số lên 2.442 đảng viên trong đơn vị kinh tế tư nhân.

3. Trong giai đoạn 2021 - 2025, đưa 1.188 đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

người đứng đầu tổ chức đảng; kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm hơn; mở rộng giám sát trên nhiều lĩnh vực, địa bàn, đối tượng; kịp thời phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, cảnh báo vi phạm “từ sớm, từ xa”. Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát với thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử; phát hiện, xử lý nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; bảo đảm xử lý đồng bộ kỷ luật đảng với kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và xử lý pháp luật¹. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

Công tác nội chính, cải cách tư pháp, thanh tra, kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, quyết tâm cao với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, với phương châm “Không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, tạo sự chuyển biến rõ nét, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhiều vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, các cấp ủy, tổ chức đảng và chi bộ đã kiểm tra theo Điều 30, Điều lệ Đảng 23.258 đảng viên, 5.138 tổ chức đảng; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 320 đảng viên, 23 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 16.642 đảng viên, 9.079 tổ chức đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 1.301 đảng viên, 374 tổ chức đảng; giám sát 7.514 đảng viên, 6.103 tổ chức đảng. Thi hành kỷ luật 3.863 đảng viên, 50 tổ chức đảng, trong đó có 330 đảng viên bị xử lý hình sự.

được phát hiện và xử lý nghiêm minh¹, góp phần từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp “phòng” và “chống” tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định; khắc phục kịp thời các sơ hở, bất cập để phát sinh vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện nghiêm túc chế độ chuyển đổi vị trí công tác²; tăng cường kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh hoạt động hiệu quả, phát huy vai trò tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; trực tiếp chỉ đạo xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm³. Các cơ quan công an, viện kiểm sát nhân dân và tòa án nhân dân các cấp thực hiện điều tra, truy tố, xét xử, xử lý vụ án, vụ việc vi phạm

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, đã khởi tố 107 vụ án/381 bị can, truy tố 97 vụ án/345 bị can, xét xử 95/338 bị cáo về tham nhũng, tiêu cực.

2. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hưng Yên (cũ) có 745 lượt cán bộ và tỉnh Thái Bình có 621 lượt cán bộ được chuyển đổi vị trí việc làm.

3. Trong giai đoạn 2021 - 2025: Tỉnh Hưng Yên (cũ) có 8 vụ án, 2 vụ việc, trong đó 8 vụ án, 1 vụ việc do Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo. Tỉnh Thái Bình có 8 vụ án, 5 vụ việc, trong đó 8 vụ án, 4 vụ việc do Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

pháp luật theo đúng pháp luật; bảo đảm đúng người, đúng tội, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm và hành vi vi phạm. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được triển khai quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực. Các cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan tố tụng, các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phối hợp chặt chẽ trong phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu hình sự sang cơ quan công an để xử lý theo quy định¹. Các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan dân cử, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân, đối thoại với nhân dân, tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân theo quy định².

Công tác dân vận của Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, sáng tạo cả về nội dung và phương thức, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, hướng về người dân, cơ sở, góp phần quan trọng củng cố, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; tập hợp, vận động nhân dân và tạo đồng thuận xã hội trong thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, các cơ quan thanh tra nhà nước đã chuyển 4 vụ việc và ủy ban kiểm tra các cấp đã chuyển 12 vụ việc vi phạm có dấu hiệu hình sự sang cơ quan công an điều tra.

2. Trong giai đoạn 2021 - 2025, các cấp ủy, chính quyền đã tổ chức 54.473 cuộc tiếp dân, 1.573 cuộc đối thoại với nhân dân; tiếp nhận 35.399 đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

của tỉnh, nhất là xây dựng Đảng bộ, chính quyền trong sạch, vững mạnh; phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án trọng điểm; thực hiện phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động. Quy chế dân chủ ở cơ sở, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được triển khai nghiêm túc. Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, mô hình “Dân vận khéo 1+10” ở xã, phường được triển khai đồng bộ, đạt kết quả tích cực. Tăng cường lãnh đạo công tác tín ngưỡng, tôn giáo và dân tộc; thực hiện đầy đủ các chính sách về tôn giáo, dân tộc; đối xử bình đẳng giữa các dân tộc và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân tộc thiểu số làm ăn, sinh sống trên địa bàn tỉnh; kịp thời xử lý những biểu hiện tiêu cực, vi phạm, lợi dụng tôn giáo gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kịp thời giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của người dân về tôn giáo, tín ngưỡng; bảo đảm hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tuân thủ pháp luật.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, hướng mạnh về cơ sở, lấy nhân dân, đoàn viên, hội viên là mục tiêu; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng; đa dạng hóa hình thức tập hợp, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và địa phương, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền

trong sạch, vững mạnh; tham gia giám sát, phản biện xã hội và giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, tăng cường dân chủ, đồng thuận xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; nắm chắc tình hình nhân dân và lắng nghe tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để phối hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Kinh tế phát triển khá toàn diện, nhanh và bền vững hơn với nhiều thành tựu ấn tượng; một số lĩnh vực có bước đột phá nâng tầm thế và lực của tỉnh; tài nguyên được quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả hơn; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường

Kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững hơn (tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 9,17%/năm); quy mô nền kinh tế tăng nhanh, ước đạt 328.283 tỉ đồng, gấp 1,73 lần so với năm 2020; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ¹ đi đôi với tăng nhanh năng suất lao động (10,45%/năm), hiệu quả đầu tư (tỷ lệ ICOR giảm từ 7,69 xuống còn 7,02), cải thiện chất lượng tăng trưởng. Thu ngân

1. Năm 2025, dự kiến khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 11,9% GRDP; công nghiệp, xây dựng chiếm 55,8% GRDP; dịch vụ chiếm 27,2% GRDP; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,1% GRDP. Năm 2020 lần lượt là 17,4% - 49,4% - 26,5% - 6,7% GRDP.

sách nhà nước trên địa bàn tăng mạnh; huy động được nguồn lực xã hội lớn cho đầu tư phát triển; hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển nhanh, khá đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và nông thôn; diện mạo đô thị và nông thôn thay đổi rõ nét; kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu rất tích cực và thuộc nhóm dẫn đầu cả nước (Phụ lục 2). Hoàn thành đa số các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế đề ra (Phụ lục 1A, Phụ lục 1B).

Ngành công nghiệp tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, đồng thời phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đa dạng. Khu vực công nghiệp, xây dựng tiếp tục giữ vai trò mũi nhọn, đóng góp lớn vào tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh¹. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, trong đó có nhiều dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao.

Thương mại, dịch vụ phát triển nhanh² cùng với đẩy mạnh xây dựng các hạ tầng hỗ trợ. Dịch vụ vận tải và logistics

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của ngành công nghiệp, xây dựng đạt 11,79%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 13,7%/năm (lần lượt cao hơn mức 11,74%/năm và 12,4%/năm của giai đoạn 2016 - 2020).

2. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP của khu vực dịch vụ đạt 9,13%/năm và giá trị thương mại, dịch vụ đạt 11,42%/năm (lần lượt cao hơn mức 6,54%/năm và 9,68%/năm của giai đoạn 2016 - 2020); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng cao, bình quân tăng 23,2%/năm, quy mô đến năm 2025 gấp 2,88 lần so với năm 2020.

phát triển đa dạng, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hóa và đi lại của người dân. Các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ bán lẻ tiếp tục phát triển ở cả thành thị và nông thôn; hoạt động thương mại điện tử có bước tiến quan trọng; hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm và xây dựng thương hiệu được quan tâm phát triển. Dịch vụ du lịch phát triển khá, ngày càng khẳng định vị trí trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả, cung cấp các dịch vụ, tiện ích đa dạng, phục vụ tốt nhu cầu người dân và doanh nghiệp. Kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh (bình quân 14,2%/năm).

Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định¹, gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, tạo chuyển biến rõ nét diện mạo của nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác²; hình thành các khu chuyên canh, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; đẩy mạnh liên kết sản xuất

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định với tốc độ tăng GRDP bình quân đạt 2,22%/năm và giá trị sản xuất tăng bình quân 3,96%/năm, thấp hơn mức tăng bình quân tương ứng lần lượt 2,58%/năm và 7,66%/năm của giai đoạn 2016 - 2020.

2. Tỉnh Hưng Yên (cũ) đạt 250 triệu đồng/ha canh tác; tỉnh Thái Bình đạt 201,3 triệu đồng/ha canh tác.

theo chuỗi giá trị; coi trọng sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP và bảo vệ môi trường. Các đặc sản truyền thống của địa phương được quan tâm đầu tư, mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ cao. Số lượng các sản phẩm OCOP tăng mạnh¹. Chăn nuôi phát triển theo hình thức trang trại, ứng dụng khoa học công nghệ, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường. Nuôi trồng thủy sản được quan tâm đầu tư, phát huy lợi thế khu vực ven sông, khai thác khu vực ven biển. Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đạt nhiều kết quả nổi bật.

Phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. Doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp ngoài nhà nước là lực lượng nòng cốt đóng góp tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm mới, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Nhờ cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, số doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh tăng nhanh. Các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động, đóng vai trò quan trọng trong một số lĩnh vực thiết yếu như bảo vệ môi trường, dịch vụ và hạ tầng thủy lợi,... Các hợp tác xã,

1. Ước tính đến cuối năm 2025 có 627 sản phẩm OCOP, gấp 7,2 lần so với năm 2020.

tổ hợp tác không ngừng được đổi mới và phát triển cả về số lượng và chất lượng, thu hút được khá nhiều thành viên, hoạt động năng động và chủ động cơ cấu lại sản xuất phù hợp với cơ chế thị trường.

Thu ngân sách địa phương tăng vượt bậc, bảo đảm đáp ứng việc thực hiện các nhiệm vụ chi, cân đối ngân sách ổn định, vững chắc hơn; kỷ cương, kỷ luật quản lý ngân sách được tăng cường. Năm 2025, thu ngân sách nhà nước ước đạt hơn 74.432 tỉ đồng, vượt xa mục tiêu đề ra. Cơ cấu thu chuyển biến theo hướng tích cực, bền vững hơn. Công tác điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước được tăng cường, bảo đảm đúng chế độ, chính sách, hiệu quả và triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển. Hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng cơ bản ổn định, huy động vốn, tín dụng ngân hàng tăng trưởng khá, hỗ trợ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội.

Các đột phá chiến lược thực hiện khá toàn diện, có lĩnh vực đạt kết quả vượt bậc, nhất là hạ tầng giao thông.

Một là, đẩy mạnh triển khai quyết liệt cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tỉnh Hưng Yên (cũ) là tỉnh dẫn đầu cả nước về mức độ cải thiện xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; đổi mới lề lối, phong cách làm việc, nâng cao chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của

người dân¹ và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới, số lượng dự án đầu tư mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tăng mạnh, trong đó có nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao. Hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình trước đây đã lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mở ra không gian mới, động lực tăng trưởng mạnh mẽ.

Hai là, tập trung huy động nguồn lực đầu tư, tạo chuyển biến mang tính đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội², nhất là hạ tầng giao thông, các trục giao thông đầu mối, trọng điểm, tuyến giao thông huyết mạch trong tỉnh, kết nối với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, duyên hải Bắc Bộ. Nhiều công trình, dự án giao thông trọng điểm, quan trọng đã được đầu tư xây dựng,

1. Xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024: tỉnh Hưng Yên (cũ): 10/63, tăng 43 bậc so với năm 2020; tỉnh Thái Bình: 30/63. Xếp hạng chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp (SIPAS) năm 2024: tỉnh Hưng Yên (cũ): 8/63; tỉnh Thái Bình: 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2024: tỉnh Hưng Yên (cũ): 14/63; tỉnh Thái Bình: 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2024: tỉnh Hưng Yên (cũ): 19/63; tỉnh Thái Bình: 15/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 636.304 tỉ đồng, gấp 1,67 lần giai đoạn 2016 - 2020; tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP bình quân đạt 47,6%, giảm 1,3% GRDP so với giai đoạn 2016 - 2020.

cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thành và đưa vào khai thác trong 5 năm qua với chiều dài hàng nghìn kilômét, làm thay đổi diện mạo, năng lực về hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh, tạo hành lang đón làn sóng đầu tư, tạo lợi thế cạnh tranh thu hút vốn, lan tỏa động lực phát triển đến các vùng trên địa bàn. Hạ tầng đô thị, nông thôn, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, viễn thông, bưu chính, thủy lợi,... được đầu tư đồng bộ. Nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp được triển khai nhanh, trở thành phương thức chủ đạo thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài¹. Nhiều dự án khu đô thị lớn, hiện đại, sinh thái, nhà ở xã hội được xây dựng. Công tác giải phóng mặt bằng được các cấp ủy đảng chỉ đạo quyết liệt, có nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả².

Ba là, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ hiện đại, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ, đạo đức đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp

1. Đến cuối tháng 6/2025, tỉnh Hưng Yên có 1 khu kinh tế, 23 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 5.891,4ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 64,9%; có 74 cụm công nghiệp đã được thành lập với tổng diện tích 3.931,2ha.

2. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hưng Yên đã giải phóng mặt bằng 10.702,24ha phục vụ triển khai các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

địa phương (PII), chỉ số chuyển đổi số (DTI) được cải thiện đáng kể¹. Số lượng doanh nghiệp khoa học, công nghệ, các tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, sàn giao dịch công nghệ và thiết bị điện tử ngày càng tăng.

Tài nguyên, đất đai được quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả hơn; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường; ô nhiễm môi trường từng bước được xử lý. Quy hoạch, quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, nhất là đất đai, nước và cát, vật liệu xây dựng. Triển khai xử lý quyết liệt các vi phạm về đất đai, xây dựng. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đi vào hoạt động đều có công trình xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn môi trường; 100% chất thải ở đô thị được xử lý an toàn. Duy trì ổn định hệ thống thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt; tăng cường đầu tư hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn. Quản lý chặt chẽ các nguồn phát thải; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Các hệ sinh thái ven biển, ven sông, đất ngập nước, rừng ngập mặn, đa dạng sinh học và khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên được

1. Năm 2024, tỉnh Hưng Yên (cũ) đứng vị trí 14/63 (PII) và 31/63 (DTI); tỉnh Thái Bình đứng thứ 23/63 (PII) và 52/63 (DTI) tỉnh, thành phố trên cả nước.

tăng cường bảo vệ, khai thác bền vững. Hệ thống đê điều, công trình thủy lợi thường xuyên được đầu tư cải tạo, gia cố, khắc phục kịp thời các điểm sạt lở, xung yếu và bảo đảm an toàn.

3. Văn hóa, con người và xã hội đạt nhiều kết quả nổi bật; an sinh xã hội ngày càng được chú trọng; đời sống nhân dân được nâng cao

Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được quan tâm phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, giải trí của nhân dân. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là ở cơ sở được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp; tăng cường bảo tồn, tôn tạo, phục dựng, bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển. Chất lượng quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản được nâng lên. Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt nhiều tiến bộ; quản lý nhà nước về y tế được tăng cường; tập trung nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở các tuyến¹. Giáo dục, đào tạo tiếp tục được đổi mới căn bản, toàn diện; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao²; đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, phát hiện, bồi dưỡng tài năng của tỉnh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng các tiêu chuẩn giáo viên ở các cấp học,

1. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia và số bác sĩ/10.000 dân tăng lên; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt khá, với 91,5%.

2. Tỉnh Thái Bình duy trì trong nhóm địa phương dẫn đầu cả nước.

bậc học. Cơ sở vật chất, trường, lớp học, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư xây dựng, hiện đại hóa. Phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập được triển khai rộng rãi. Chỉ số phát triển con người (HDI), tầm vóc, thể lực người dân từng bước được nâng cao. Tuổi thọ trung bình và nhiều chỉ số sức khỏe cao hơn so với bình quân cả nước. Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm có nhiều bước đổi mới và phát triển. Tỉnh có nhiều chính sách vượt trội về công tác an sinh xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và ở mức thấp hơn mức bình quân cả nước¹. Phong trào “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” được thực hiện quyết liệt, hoàn thành kế hoạch trước thời hạn đề ra² (Phụ lục 2).

4. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế được mở rộng, đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo môi trường ổn định và điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quân sự, quốc phòng địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

1. Đến cuối năm 2025, ước tính tỉnh Hưng Yên giảm xuống còn 0,9%, trong đó tỉnh Hưng Yên (cũ) giảm còn 0,35%; tỉnh Thái Bình giảm còn 1,62%.

2. Toàn tỉnh hỗ trợ 4.374 hộ gia đình xây mới, sửa chữa nhà ở.

Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Tập trung đầu tư các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện. Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ rộng khắp. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hằng năm được giao với chất lượng được nâng lên. Duy trì nghiêm chế độ nắm địa bàn, trực sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đồng bộ công tác quốc phòng; quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển. Lực lượng vũ trang tỉnh luôn tích cực, chủ động huy động lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và khắc phục hậu quả, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất của nhân dân.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được tăng cường. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị với vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, nhất là đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm. Ứng phó có hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu dân cư trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phục vụ chuyển đổi số,

tạo môi trường ổn định, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chủ động nắm tình hình, đấu tranh phòng, chống tội phạm, kịp thời phát hiện, nhận diện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và vấn đề phức tạp ngay từ cơ sở. Chủ động thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh quốc gia, quản lý nhà nước về an ninh trật tự và đấu tranh phòng, chống tội phạm; đạt và vượt nhiều chỉ tiêu được giao về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tích cực, chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao nhân dân, góp phần quan trọng hỗ trợ thúc đẩy thương mại, đầu tư, lao động, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, huy động nguồn vốn đầu tư nước ngoài và phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Hoạt động đối ngoại của tỉnh được triển khai đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thu hút đầu tư nước ngoài, kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng nhanh. Tổ chức nhiều diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư, kết nối đầu tư, kinh doanh; tổ chức các sự kiện ngoại giao, văn hóa gắn với xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá hình ảnh, môi trường kinh doanh của tỉnh. Tỉnh đã ký kết nhiều văn kiện hợp tác, hữu nghị quốc tế với các cơ quan, tổ chức nước ngoài. Hưng Yên đang nổi lên là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh các đối tác truyền thống ở châu Á, nhất là Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, tỉnh mở rộng

quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế với các đối tác ở châu Mỹ, châu Âu.

II- ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Kết quả nổi bật và nguyên nhân

1.1. Kết quả nổi bật

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, khoa học và linh hoạt, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, rõ nét trên các lĩnh vực, đạt nhiều kết quả nổi bật, trong đó có những kết quả mang tính đột phá. Tỉnh Hưng Yên (cũ) hoàn thành vượt 12/19 nhóm chỉ tiêu và đạt 7/19 nhóm chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội đề ra. Tỉnh Thái Bình vượt 5/20 chỉ tiêu, đạt 7/20 chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội đề ra.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức bộ máy, cán bộ được triển khai quyết liệt, toàn diện và đạt nhiều kết quả quan trọng. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đảng viên, nhất là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy được nâng lên rõ rệt, khẳng định uy tín, vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Năng lực, trình độ quản lý nhà nước, quản trị xã hội của chính quyền các cấp ứng phó, xử lý hiệu quả với các khó khăn, thách thức

và đáp ứng yêu cầu phát triển cao hơn trong tình hình mới. Các nguyên tắc tổ chức của Đảng, đoàn kết, thống nhất, kỷ cương, kỷ luật trong Đảng tiếp tục được tăng cường. Bản lĩnh chính trị, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên được đề cao. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, học tập, triển khai nghị quyết được đổi mới, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn, mô hình chính quyền địa phương hai cấp gắn với xây dựng chính quyền số, chính quyền liên chính, hành động, trách nhiệm, sát dân, gần dân, phục vụ nhân dân được hình thành, sớm ổn định và phát huy hiệu quả. Đội ngũ cán bộ được sắp xếp, tinh giản, bố trí, sử dụng có hiệu quả; năng lực, trình độ, đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai đồng bộ, quyết liệt, mang lại hiệu quả rõ rệt, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân và xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị tỉnh trong sạch, vững mạnh. Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, sáng tạo, phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân.

Kinh tế phát triển khá toàn diện, nhanh và bền vững hơn với nhiều kết quả nổi bật, tạo đột phá trong một số lĩnh vực, nhất là tốc độ tăng trưởng GRDP, huy động

nguồn lực, đầu tư, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần nâng tầm vị thế của tỉnh trong bức tranh chung của vùng và nền kinh tế quốc dân¹; tăng cường xây dựng xã hội ổn định, hài hòa, tiến bộ, công bằng và bảo vệ sức khỏe, an ninh môi trường sinh thái. Thế, lực và sức mạnh tổng hợp của kinh tế tỉnh Hưng Yên được nâng lên nhờ tăng trưởng nhanh, liên tục. Vai trò, vị trí của tỉnh Hưng Yên trong liên kết vùng ngày càng quan trọng, nhất là kết nối hạ tầng giao thông, chuỗi sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Thu ngân sách địa phương tăng nhanh; nguồn thu, cơ sở thu được mở rộng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ; tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đô thị hóa được đẩy mạnh. Kinh tế biển ngày càng đóng vai trò quan trọng và dần trở thành động lực quan trọng. Kết quả thực hiện các khâu đột phá chiến lược tạo xung lực, động lực phát triển mạnh mẽ. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo sự chuyển biến trong tư duy, nhận thức và hành động. Huy động được nguồn lực lớn trong nước và nước ngoài cho đầu tư phát triển. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng

1. Trong giai đoạn 2021 - 2024, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Hưng Yên (9,17%/năm) cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân chung của cả nước (6,3%/năm), xếp thứ 4/34 tỉnh, thành phố; tổng thu ngân sách địa phương xếp thứ 8/34 tỉnh, thành phố; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội xếp thứ 7/34 tỉnh, thành phố; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố. Quy mô dân số xếp thứ 12/34 tỉnh, thành phố (năm 2024).

giao thông phát triển đồng bộ, có bước đột phá; diện mạo đô thị và nông thôn có sự thay đổi căn bản cùng với xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; an sinh, phúc lợi xã hội ngày càng được cải thiện; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

1.2. Nguyên nhân

1.2.1. Nguyên nhân khách quan

Các chủ trương, đường lối, quyết sách chiến lược đổi mới và phát triển đúng đắn, kiên quyết, kiên trì, sáng tạo của Đảng; hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, hiệu quả. Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương; sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của nhân dân và đoàn kết, đồng thuận xã hội. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau gần 40 năm đổi mới là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của tỉnh. Sự thuận lợi về vị trí địa lý; xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa mạnh mẽ; những đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số... góp phần thúc đẩy, tạo thuận lợi cho việc thực hiện những chủ trương, chính sách, đột phá, phát triển của tỉnh.

1.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, năng động, sáng tạo, hiệu quả của các cấp ủy đảng, chính quyền

và sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị. Sự đoàn kết, thống nhất trong Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sự quyết tâm đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh; kịp thời đưa ra chủ trương, chính sách, quyết sách đúng đắn, mang tính đột phá chiến lược phù hợp với tình hình mới; phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Sự chung tay khắc phục mọi khó khăn của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, sự đồng thuận, giúp đỡ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Năng lực, trình độ, bản lĩnh, tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực, cố gắng rèn luyện, lao động, cống hiến, hy sinh của đội ngũ cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân trong thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị: Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở còn hạn chế. Công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các đơn vị kinh tế tư nhân và cơ sở còn khó khăn. Chất lượng sinh hoạt của một số tổ chức cơ sở đảng chưa cao, tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình chưa mạnh; nguyên tắc tổ chức của Đảng có nơi thực hiện chưa nghiêm. Một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện

suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật của Nhà nước phải xử lý kỷ luật, thậm chí phải xử lý hình sự. Chính quyền cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp còn nhiều khó khăn khi mới đi vào hoạt động. Năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp xã hiện nay còn hạn chế; còn biểu hiện đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không dám làm; nói chưa đi đôi với làm. Chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là ở cấp cơ sở; kiểm tra, xử lý vi phạm có trường hợp chưa nghiêm. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số nơi thiếu quyết liệt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chưa phát huy đầy đủ vai trò giám sát, phản biện xã hội; việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền hiệu quả chưa cao. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở có nơi còn hình thức; nắm bắt, phân tích, dự báo tình hình có lúc, có việc chưa sâu sát, kịp thời.

Về phát triển kinh tế - xã hội: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 chưa hoàn thành. Tăng trưởng kinh tế ở mức dưới tiềm năng, chưa thật sự ổn định vững chắc; quy mô kinh tế còn hạn chế; thu nhập bình quân đầu người, GRDP bình quân đầu người thấp hơn mức bình quân của cả nước. Tiến độ triển khai nhiều dự án đầu tư còn chậm; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa cao, gây ứ đọng vốn ngân sách; một số dự án chậm tiến độ chưa được xử lý kịp thời,

dứt điểm. Cơ cấu thu ngân sách chưa bền vững, tỷ trọng nguồn thu từ tiền sử dụng đất còn lớn. Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư sản xuất quy mô lớn, nhà đầu tư mạnh trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, đóng vai trò chủ đạo trong các chuỗi cung ứng toàn cầu. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất chuyên canh lớn, ứng dụng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao. Du lịch chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Chuyển đổi số và ứng dụng khoa học, công nghệ ở một số ngành, lĩnh vực còn chậm, chưa thể hiện rõ vai trò động lực tăng trưởng. Mức độ đô thị hóa còn thấp, chưa đồng đều. Chưa phát huy tiềm năng, lợi thế biển. Chưa xử lý dứt điểm một số “điểm nóng” về ô nhiễm môi trường, nhất là tại hệ thống sông Bắc Hưng Hải và một số làng nghề; rác thải sinh hoạt chưa thu gom và xử lý theo quy chuẩn môi trường. Vi phạm quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng tồn đọng từ nhiều năm chưa được giải quyết dứt điểm. Nguy cơ khiếu kiện về đất đai có chiều hướng gia tăng, tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu cực đoan; thị trường tài chính, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; mặt trái của kinh tế thị trường và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động đã tác động bất lợi đến sự

ổn định và phát triển. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách còn bất cập, thiếu đồng bộ, chậm được sửa đổi, bổ sung, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường. Việc phân cấp, phân quyền chưa triệt để; thể chế vùng và chính sách điều phối vùng chưa được hoàn thiện. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao, dẫn đến vi phạm pháp luật, khiếu kiện kéo dài. Tốc độ đô thị hóa ở tỉnh Hưng Yên (cũ) nhanh nhờ triển khai nhiều dự án khu đô thị, khu nhà ở quy mô lớn, dẫn đến thu tiền sử dụng đất lớn. Một số khu vực công nghiệp chưa phát triển mạnh, nhu cầu về nhà ở không tăng cao nên khó khăn trong huy động nguồn lực, thu hút dự án đầu tư phát triển đô thị. Điểm xuất phát của tỉnh Hưng Yên thấp. Nhiều vấn đề yếu kém tồn đọng, kéo dài từ nhiều năm chưa thể xử lý dứt điểm do thiếu cơ chế, chính sách, nhất là vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường liên vùng, xử lý vi phạm về đất đai, xây dựng, quy hoạch.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức, năng lực, trình độ lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu còn hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ; có nơi buông lỏng lãnh đạo, thiếu kiểm tra, giám sát; không phát hiện kịp thời và xử lý dứt điểm các hạn chế, khuyết điểm để kéo dài, tích tụ thành vấn đề phức tạp, khó xử lý. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu trách nhiệm, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thiếu tiên phong, gương mẫu, thậm chí suy thoái tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống. Một số cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi chưa lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Công tác dự báo, hoạch định chính sách còn hạn chế, chưa sát thực tiễn; sự phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành, địa phương có lúc chưa chặt chẽ, thiếu kịp thời. Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ, chưa thực sự coi trọng công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức cho cán bộ, đảng viên còn hạn chế. Các chiến lược, chính sách, giải pháp chưa đồng bộ, đầy đủ và chưa được triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, hiệu quả trong huy động nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, khó khăn trong giải phóng mặt bằng; chất lượng chuẩn bị một số dự án đầu tư chưa cao. Môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của tỉnh có mặt còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, kiên định Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Coi trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch,

vững mạnh toàn diện; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, nhất là trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp.

Hai là, quán triệt và triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích, dự báo tình hình; bám sát thực tiễn địa phương, tận dụng tốt các cơ hội, khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, huy động mọi nguồn lực, giải phóng sức sản xuất; lựa chọn đúng trọng tâm, khâu đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Chủ động tổng kết thực tiễn, phát hiện mô hình mới, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp.

Ba là, phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và tính hiệu quả, bền vững trong phát triển kinh tế; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại. Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, chính sách phát triển; thực hiện tốt an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, nhất là các đối tượng chính sách, người yếu thế trong xã hội.

Bốn là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, “Dân là gốc”; thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng chính đáng và

hạnh phúc của nhân dân; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của nhân dân làm thước đo hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ và kết quả lãnh đạo, chỉ đạo.

Năm là, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, bản lĩnh chính trị ngang tầm nhiệm vụ; phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương, tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; xây dựng chính quyền số và nền hành chính chuyên nghiệp, liêm chính, hiện đại.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Hiện nay, thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi; cục diện

thế giới đang có sự chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng và phân tuyến mạnh. Trong nước, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để tiếp tục xây dựng, phát triển, thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng và 100 năm thành lập nước. Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả nổi bật. Sự chỉ đạo quyết liệt, khẩn trương của Đảng trong triển khai các chủ trương, quyết sách chiến lược mang tính cách mạng; cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế; đổi mới xây dựng và thực hiện pháp luật; phát triển giáo dục và đào tạo đang tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển đột phá của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Trong tỉnh, việc cơ bản đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng và Đảng bộ tỉnh. Tỉnh Hưng Yên có vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng giao thông đa phương tiện kết nối vùng khá đồng bộ; nằm cạnh Thủ đô Hà Nội, trung tâm chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ của cả nước; đồng thời nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng động lực phát triển

hàng đầu trong tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và giáp ranh với các địa phương đang phát triển rất nhanh, năng động. Việc thành lập tỉnh Hưng Yên mới, cùng với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt đã mở rộng không gian phát triển, tạo thêm lợi thế, tiềm năng, cơ hội (quỹ đất rộng, lực lượng lao động dồi dào, tiềm năng phát triển công nghiệp, đô thị, kinh tế biển...) và động lực tăng trưởng mạnh mẽ, là tiền đề để tỉnh tiếp tục vươn lên, hội nhập sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và đồng thuận cao trong toàn xã hội tạo sức mạnh, động lực quan trọng để Đảng bộ tỉnh vững vàng thực hiện thắng lợi các mục tiêu trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Khó khăn, thách thức

Thời gian tới, dự báo kinh tế, thương mại, đầu tư khu vực và thế giới còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn yếu tố, nguy cơ gây bất ổn và cản trở quá trình phục hồi kinh tế. Xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng. Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế đối mặt với nhiều thách thức lớn; khu vực hóa và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Các thách thức toàn cầu tiếp tục tác động bất lợi đến an ninh và phát triển của các nước. Trong nước, nhiều khó khăn, thách thức trong cả trung và dài hạn, có những mặt gay gắt hơn so với giai đoạn trước. Phát triển

kinh tế - xã hội chưa bền vững, nhiều mặt còn hạn chế, yếu kém. Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra trong những nhiệm kỳ trước vẫn còn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp hơn. Thể chế chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới. Xu hướng già hóa dân số tăng nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường... Các thế lực thù địch, phản động gia tăng chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta dưới nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi.

Trong tỉnh, nhiều khó khăn, thách thức đặt ra cần phải xử lý để đáp ứng yêu cầu phát triển cao hơn. Vị trí địa lý thuận lợi của Hưng Yên vừa là cơ hội, song cũng kèm theo không ít thách thức và chịu sự cạnh tranh rất lớn về thu hút nguồn lực, trong khi hầu hết các địa phương trong vùng đã vượt Hưng Yên trên một số lĩnh vực. Khả năng huy động nguồn lực còn hạn chế so với nhu cầu. Nhiều hạn chế, yếu kém tích tụ từ nhiều năm của địa phương chưa được xử lý dứt điểm.

Bối cảnh tình hình trên sẽ tác động không nhỏ tới quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng;

kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới và phát triển. Bảo đảm giải quyết các mối quan hệ trong phát triển, nhất là giữa phát triển và ổn định; lấy phát triển để ổn định, lấy ổn định để phát triển nhanh, bền vững hơn.

2. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu quả mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản trị xã hội của các cấp chính quyền. Củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Chủ động nhận diện sớm, tận dụng nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người Hưng Yên là nền tảng; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

4. Đổi mới tư duy, mở rộng tầm nhìn chiến lược, vững vàng, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, vượt qua giới hạn, tạo đột phá phát triển, đưa Hưng Yên tiến nhanh, tiến kịp, tiến cùng và vượt lên các địa phương khác. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi nhất huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Tạo bước đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và tính hiệu quả, sức cạnh tranh của tỉnh; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất. Thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới.

5. Phát triển nhanh và bền vững dựa vào khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý thuận lợi và liên kết vùng, các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị; kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy mọi nguồn lực, động lực. Phát triển công nghiệp hiện đại là chủ đạo, đô thị văn minh là trung tâm và kinh tế biển bền vững là chủ lực. Phát huy giá trị truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng, anh hùng và con người Hưng Yên trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Phát triển hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh.

III- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng bộ và hệ thống chính trị tinh trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đảng viên; giữ vững nguyên tắc tổ chức, kỷ luật nghiêm minh của Đảng. Xây dựng nền kinh tế năng động và phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh và kinh tế biển mạnh. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần.

2. Tầm nhìn đến năm 2035 và 2045

Đến năm 2035, Hưng Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I.

Đến năm 2045, Hưng Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của

văn hóa vùng đồng bằng sông Hồng. Xã hội kỷ cương, ổn định, hài hòa, đoàn kết, an ninh, an toàn, văn minh, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc. Nhân dân có cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc.

IV- CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Hàng năm, tỷ lệ kết nạp đảng viên mới phấn đấu đạt từ 3% trở lên/tổng số đảng viên; có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thực hiện kiểm tra, giám sát ít nhất 50% các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy; đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở trực tiếp kiểm tra, giám sát ít nhất 50% tổ chức đảng trực thuộc; các đảng ủy cơ sở kiểm tra, giám sát 100% chi bộ trực thuộc; các chi bộ cơ sở kiểm tra, giám sát ít nhất 15% số đảng viên trong chi bộ.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030: 10 - 11%/năm.

GRDP bình quân đầu người đến năm 2030: Trên 180 triệu đồng.

Quy mô GRDP đến năm 2030: Khoảng 600.000 tỉ đồng.

2.2. Cơ cấu kinh tế trong GRDP đến năm 2030:

- Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: 8%.
- Khu vực công nghiệp, xây dựng: 60%.
- Khu vực dịch vụ: 27,5%.
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 4,5%.

2.3. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030: Khoảng 1.100.000 tỉ đồng.

Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030: 47,6%.

2.4. Tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2030: Khoảng 65.000 tỉ đồng

Trong đó, thu nội địa: Khoảng 57.000 tỉ đồng (thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất: Khoảng 36.000 tỉ đồng); thu xuất, nhập khẩu: Khoảng 8.000 tỉ đồng.

2.5. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026 - 2030: 50%.

2.6. Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân giai đoạn 2026 - 2030: Trên 11%/năm.

2.7. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2026 - 2030: Trên 10%/năm.

2.8. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030: 50%.

2.9. Xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và

hành chính công (PAPI) đến năm 2030: Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu.

3. Về phát triển xã hội

3.1. Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030: 0,79.

3.2. Tuổi thọ bình quân đến năm 2030: 76,8 năm, trong đó, thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 70 năm.

3.3. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân giai đoạn 2026 - 2030: Dưới 1%.

3.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030: Trên 40,5%.

3.5. Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030: 95%; trong đó, 100% trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia.

3.6. Số bác sĩ/1 vạn dân đến năm 2030: Trên 15 bác sĩ.

3.7. Số giường bệnh/1 vạn dân đến năm 2030: Trên 43 giường bệnh.

3.8. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2030: 99% dân số.

3.9. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm đến năm 2030: 60%.

3.10. Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hằng năm: 100%.

3.11. Tỷ lệ thất nghiệp chung đến năm 2030: Dưới 1,5%; trong đó:

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị: Dưới 1,7%.
- Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn: Dưới 1,35%.
- 3.12. Phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030: Đạt 47.000 căn.
- 3.13. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2030: Dưới 0,5%.
- 3.14. Tỷ trọng lao động nông nghiệp đến năm 2030: 15%.
- 3.15. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2030: Trên 70%¹.
- 3.16. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại đến năm 2030: Trên 15%.

4. Về bảo vệ môi trường

- 4.1. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đến năm 2030: 100%.
- 4.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030: 100%.
- 4.3. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định đến năm 2030: 100%.
- 4.4. Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030: 100%.
- 4.5. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đến năm 2030: 100%.
- 4.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030: 100%.

1. Nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại theo chuẩn của giai đoạn 2025 - 2030.

- 4.7. Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông: Khoảng 70%.

5. Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Bảo đảm vững chắc quân sự, quốc phòng địa phương và giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, kịp thời phòng ngừa, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống. Xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ tỉnh trong tình hình mới; tạo môi trường ổn định để phát triển nhanh, bền vững. Hằng năm, kiểm chế, kéo giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội.

V- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Một là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới đồng bộ phương thức và nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; tiếp tục hoàn thiện và bảo đảm đầy đủ các điều kiện để mô hình chính quyền địa phương hai cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự sát dân, gần dân, phục vụ nhân dân tốt hơn. Xây dựng đội ngũ cán bộ,

đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ đức, tài, phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; củng cố, tăng cường lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền các cấp.

Hai là, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, toàn diện tỉnh Hưng Yên dựa trên 5 trụ cột chủ yếu: (i) Phát triển nền công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động và thân thiện môi trường trên cơ sở tạo lập hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ; (ii) Phát triển nền nông nghiệp sạch, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; (iii) Phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững gắn với phát triển kinh tế đô thị và dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao; (iv) Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng; (v) Phát triển kinh tế biển bền vững với mô hình khu kinh tế tự do đa ngành đối chuẩn quốc tế trên cơ sở chuyển đổi khu kinh tế hiện có gắn với lấn biển trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, năng lượng mới, dịch vụ vận tải, logistics, cảng biển, sân bay, đô thị nghỉ dưỡng biển, giải trí; là nơi tập hợp

các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đóng vai trò chủ chốt trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, nơi hội tụ nhân tài, tinh hoa trí tuệ, thử nghiệm, sáng tạo, chia sẻ, tự do kết nối với phần còn lại của thế giới, liên thông chặt chẽ với các địa phương trong khu vực và được tổ chức quản lý, quản trị theo cơ chế đặc thù, vượt trội, tạo sự khác biệt, cạnh tranh quốc tế để hình thành cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng và phía Bắc của đất nước.

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển mới và yêu cầu khai thác tối ưu tiềm năng, lợi thế, không gian rộng mở của tỉnh; định vị và xác định hợp lý các vùng động lực, trục phát triển, trung tâm đô thị, hành lang kinh tế (công nghiệp - đô thị; công nghiệp - đô thị - dịch vụ; văn hóa - du lịch; kinh tế ven biển;...) trên cơ sở các trục giao thông chiến lược (cao tốc, quốc lộ, đường vành đai,...), ven biển, ven sông.

Ba là, tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ và triển khai thực hiện hiệu quả hệ thống các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch hỗ trợ đổi mới mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa; tháo gỡ triệt để những điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và huy động, sử dụng tối đa các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế. Đổi mới phương thức quản trị xã hội, quản lý phát triển hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao năng lực

hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược. Hoàn thiện và vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; xây dựng chính quyền liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ người dân. Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường tính minh bạch, công khai, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực, kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh cải cách hành chính đi đôi với chuyển đổi số, không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, người dân và doanh nghiệp.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển. Xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện về thể lực, tầm vóc, trí tuệ, đạo đức, nhân cách, có ý chí vươn lên mạnh mẽ, có khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đổi mới toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phát triển hệ thống y tế đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Năm là, tập trung nâng cao năng lực bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vì mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường triển khai đồng bộ

các giải pháp “phòng” đi đôi với “chống” ô nhiễm môi trường, kiểm soát an toàn các nguồn phát thải. Thực hiện các mô hình sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn.

Sáu là, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ tỉnh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, an toàn để phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các đột phá chiến lược

Một là, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu; kinh tế tư nhân là một động lực phát triển quan trọng nhất, là đòn bẩy của kinh tế địa phương, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động, tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế và phát triển năng lực sản xuất, kinh doanh với các mô hình, phương thức mới.

Hai là, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng số và hệ thống giao thông; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đa phương thức, cảng biển, các trục giao thông kết nối với các đường cao tốc, quốc lộ, kết nối tỉnh Hưng Yên với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng duyên hải Bắc Bộ; các tuyến đường trục kết nối các trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị, thương mại, du lịch của tỉnh.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số; tăng cường thu hút và trọng dụng nhân tài. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, trình độ, đạo đức, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh.

VI- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị. Kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng; nâng cao năng lực hoạch định chủ trương, tầm nhìn, chính sách phát triển. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, trách nhiệm nêu gương và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên gắn với tăng cường kỷ cương, kỷ luật và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng.

Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng. Đổi mới mạnh mẽ việc xây dựng, ban hành; tổ chức phổ biến, quán triệt và thực hiện nghị quyết của các cấp ủy đảng; nội dung, phương thức công tác tư tưởng của Đảng. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tính giáo dục, thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng

của cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh sát với yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, tổ chức, cá nhân. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên các cấp. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; nâng cao sức đề kháng của đảng viên đối với thông tin xấu, độc. Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Phát huy hơn nữa vai trò của báo chí, văn học nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng. Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội và sự hài lòng của người dân; nâng cao năng lực phân tích, dự báo, nắm bắt và xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội. Tích cực đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đẩy mạnh xây dựng Đảng về đạo đức, trọng tâm là công tác giáo dục, thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ; đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nêu gương. Tích cực đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao năng lực, vai trò, hiệu quả lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng. Chú trọng đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên

cứu lý luận; đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạch định, ban hành chủ trương, chính sách, cụ thể hóa nghị quyết của các cấp ủy đảng. Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành, quán triệt, triển khai nghị quyết theo hướng hành động; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của cấp ủy, tổ chức đảng, bảo đảm giữ vững nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất, tự phê bình và phê bình; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức đảng; phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể, cá nhân phụ trách. Tăng cường đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp ủy đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy đảng từ tỉnh tới cơ sở. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của các cơ quan Đảng; xây dựng cơ sở dữ liệu của các cơ quan Đảng kết nối liên thông, chia sẻ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan. Tăng cường năng lực của các cơ quan tham mưu của cấp ủy đảng; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng.

Tiếp tục kiện toàn và bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị sau sắp xếp. Quán triệt, thực hiện nghiêm túc chủ trương của Trung ương về đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương hai cấp. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị;

sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả cán bộ, tinh giản biên chế. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng. Sắp xếp, tinh gọn và nâng cao hiệu quả, mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Chuyển cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện.

Xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân phục vụ; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, hiệu lực, hiệu quả, sát dân, gần dân, phục vụ nhân dân tốt hơn gần với sắp xếp, bố trí, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa các cấp trong tỉnh; phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương, cơ sở gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch chiến lược và xây dựng hệ thống quản lý, quản trị phát triển hiện đại; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở

phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, minh bạch dựa trên nền tảng chính quyền số. Chuyển đổi số toàn diện mô hình quản trị nhà nước dựa trên công nghệ số và dữ liệu số theo thời gian thực. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; chuyển mạnh sang phương thức “chủ động” phục vụ, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Triển khai thực hiện mô hình “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp”, “Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ” trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, quản lý, lề lối làm việc khoa học, hiệu quả; nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Đổi mới nội dung, phương thức, phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc và nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm của ủy viên, bí thư cấp ủy ở cơ sở. Bố trí hợp lý số lượng cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ, kỹ thuật tham gia cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng, đảng viên, nhất là đảng viên là chủ doanh nghiệp, người quản lý, điều hành của doanh nghiệp, đồng thời phát triển các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân và địa bàn dân cư.

Phát triển số lượng đi đôi với coi trọng chất lượng đảng viên. Thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt chi bộ, cấp ủy. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên. Thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; cơ bản bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị và bí thư đảng ủy xã, phường không phải là người địa phương; tiếp tục thực hiện chủ trương bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý đảng viên và sinh hoạt đảng. Tăng cường quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Nhân rộng mô hình “Chi bộ 4 tốt”, “Đảng bộ cơ sở 4 tốt”.

Phát triển đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ. Tập trung xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức và uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; tạo môi trường, điều kiện để rèn luyện, thử thách, xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ khoa học, cán bộ trẻ. Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng cán bộ. Hoàn thiện khung năng lực, vị trí việc làm, tiêu chí đánh giá; tiếp tục đổi mới cơ chế tuyển dụng, đánh giá cán bộ, đảng viên thực chất, hiệu quả hơn, chú trọng năng lực, sản phẩm, kết quả. Nghiên cứu,

ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả các trí thức trẻ, cán bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật và người có trình độ chuyên môn cao; khuyến khích, hỗ trợ cán bộ tham gia đào tạo chuyên sâu, đào tạo sau đại học. Tăng cường cán bộ có năng lực cho các lĩnh vực, địa bàn khó khăn, phức tạp, nhất là ở xã, phường. Triển khai các chủ trương, biện pháp khuyến khích, bảo vệ cán bộ “Dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, coi trọng vấn đề chính trị hiện nay; thực hiện nghiêm túc thẩm tra, xác minh chặt chẽ tiêu chuẩn chính trị cán bộ.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động kiểm tra, giám sát; từng bước chuyển hoạt động kiểm tra, giám sát sang môi trường số. Thực hiện kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; giám sát phải mở rộng, coi trọng phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; kiểm tra, giám sát phải hướng tới góp phần tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đồng thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường vai trò của

giám sát trong phát hiện, phòng ngừa, cảnh báo hạn chế, yếu kém, vi phạm từ sớm, từ xa; chủ động phát hiện, kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm. Xem xét, xử lý kỷ luật theo phương châm “Không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, bảo đảm nghiêm minh, chính xác, kịp thời, tăng cường tính giáo dục, nhân văn. Tăng cường hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới, nhất là cấp xã về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Kịp thời củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ kiểm tra, nhất là ở cơ sở. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng với hoạt động thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát, điều tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các ban, ngành; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát.

Tăng cường công tác nội chính, thanh tra, cải cách tư pháp; tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp; bảo đảm công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo hướng chuyên nghiệp, chính xác, khách quan, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, thượng tôn pháp luật, không để oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Nâng cao hiệu quả công tác giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý, giám định tư pháp và định giá tài sản trong hoạt động tố tụng. Tăng cường

phổ biến, giáo dục pháp luật. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra. Tăng cường phối hợp công tác giữa các cơ quan liên quan về công tác nội chính và phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vi phạm. Các cơ quan thanh tra, các cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp kịp thời phát hiện, chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu hình sự sang cơ quan chức năng để xem xét, xử lý theo quy định. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với tinh thần kiên quyết, kiên trì, không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong cán bộ, đảng viên. Tăng cường thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập, chuyển đổi vị trí công tác; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên các lĩnh vực. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh; đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại với nhân dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ngay từ cơ sở; không để phát sinh đơn, thư khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, gây phức tạp về an ninh, trật tự xã hội. Tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Tăng cường đổi mới công tác dân vận, phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương về phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Thường xuyên bám sát cơ sở, chủ động nắm chắc tình hình nhân dân, nhất là ở những nơi phức tạp; kịp thời chỉ đạo phòng ngừa, phát hiện, giải quyết những điểm nóng, vụ việc phức tạp, bảo đảm ổn định tình hình an ninh, trật tự ở cơ sở. Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định những vấn đề lớn của địa phương; tham gia đánh giá, giám sát các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và giám sát cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đổi mới công tác dân vận chính quyền theo hướng chủ động, kịp thời; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp công dân, tiếp xúc, đối thoại với nhân dân và giải quyết kịp thời những kiến nghị, phản ánh của người dân. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo”; nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay, nhất là mô hình “Dân vận khéo 1+10”. Nâng cao chất lượng các mô hình tự quản trong cộng đồng dân cư.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân;

phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội đoàn thể tăng cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đi đôi với đẩy mạnh chuyển đổi số. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là ở các vùng chuyển tiếp nông thôn - thành thị, ven biển, ven sông, vùng đô thị hóa, công nghiệp hóa; thực hiện đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức công đoàn trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Quan tâm phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách cho công nhân các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây dựng giai cấp nông dân phát triển toàn diện, có ý chí, tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên; phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ vững mạnh toàn diện, giàu lòng yêu nước, có đạo đức và lý tưởng cách mạng. Xây dựng đội ngũ doanh nhân trong tỉnh lớn mạnh, có tinh thần yêu quê hương, đất nước, trách nhiệm xã hội, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng cống hiến, thượng tôn pháp luật, năng lực hội nhập và cạnh tranh quốc tế. Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng

cách mạng, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng cống hiến, nêu cao trách nhiệm với xã hội và quê hương, đất nước. Chăm lo xây dựng phụ nữ Hưng Yên thời đại mới phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh, trí tuệ và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên, tích cực xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc. Phát huy vai trò của cựu chiến binh, cựu công an nhân dân trong giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” và truyền thống “người Công an cách mệnh”. Phát huy trí tuệ, uy tín, kinh nghiệm của người cao tuổi trong gia đình, cộng đồng và xã hội; bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi, nhất là trong điều kiện già hóa dân số nhanh. Bảo đảm, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của người dân; vận động đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành sống “tốt đời, đẹp đạo”, tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện tốt công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Cơ cấu lại toàn diện và phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu;

phát huy các tiềm năng, thế mạnh để đưa Hưng Yên trở thành một trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, làm động lực chủ yếu để phát triển công nghiệp. Tập trung thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, nền tảng; các ngành sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số, tự động; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp ô tô, công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp năng lượng, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Mở rộng, cơ cấu lại và tái phân bổ không gian phát triển công nghiệp phù hợp với không gian, tiềm năng, lợi thế của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp; quy hoạch các khu sản xuất tập trung với hạ tầng kỹ thuật và hệ thống bảo vệ môi trường đồng bộ, hiện đại. Thu hút đầu tư có chọn lọc, hướng tới gia tăng giá trị sản phẩm công nghiệp, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp mới, các dự án nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Từng bước thúc đẩy chuyển dịch từ gia công sang nghiên cứu, thiết kế, phát triển, sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 40,5% GRDP. Tập trung xây dựng, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, nhất là các khu công nghiệp quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên phát triển các khu công

ng nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ và các khu công nghiệp hỗ trợ. Tăng cường liên kết cụm ngành, nhóm sản phẩm tạo thành tổ hợp công nghiệp; xây dựng hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ, hiện đại, đa dạng, tích hợp.

Cơ cấu lại toàn diện, phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, công nghệ cao, quy mô lớn; phát triển kinh tế nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn cao hơn. Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, chuyên canh, năng suất lớn, giá trị gia tăng cao. Chú trọng phát triển đặc sản truyền thống và sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh của địa phương; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi, đánh bắt hải sản, nuôi trồng thủy sản gắn với thực hiện nghiêm túc các biện pháp chống khai thác IUU, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp với trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, phát triển các ngành chế biến, hình thành chuỗi giá trị nông, thủy sản chất lượng cao, xuất khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kiểu mới, có khả năng tham gia vào chuỗi giá trị nông sản. Phát triển đa dạng các sản phẩm OCOP. Tăng cường quản lý chất lượng nông, thủy sản ở mọi khâu từ uơm tạo, chọn giống tốt đến nuôi trồng, chế biến

theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản uy tín. Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương, thủy lợi, đê điều và giao thông nội đồng. Phát triển kinh tế nông thôn sinh thái, kinh tế làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo chuẩn mực mới với hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, sinh kế bền vững, gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; thu hẹp chênh lệch chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng giữa khu vực nông thôn và thành thị. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả vùng đất ngập nước ven biển, bảo đảm việc phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp gắn chặt với bảo vệ môi trường và phát huy sự đa dạng hệ sinh thái trong các khu bảo tồn thiên nhiên.

Phát triển mạnh mẽ thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với đẩy nhanh đô thị hóa. Xây dựng đa dạng hệ thống hạ tầng thương mại, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại. Phát triển rộng khắp hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở nông thôn; phát triển các hệ thống phân phối trên nền tảng số, thương mại điện tử. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, bán lẻ, phân phối hàng hóa, tài chính, ngân hàng, viễn thông, du lịch, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, thể thao, hệ thống logistics, cảng biển, cảng sông, cảng cạn đồng bộ, hiện đại kết nối với hệ thống cảng trong khu vực

đồng bằng sông Hồng. Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng. Tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch đồng bộ, đa dạng; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng các khu du lịch trọng điểm, nhất là các cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, điểm đến du lịch, các di sản văn hóa, di tích quốc gia đặc biệt. Ưu tiên phát triển một số trung tâm thương mại, logistics, khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng lớn cấp vùng và quốc gia; xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn trong các khu vực đô thị.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Phấn đấu trong giai đoạn 2026 - 2030, đón 12 triệu lượt khách. Tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại; phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Phát triển không gian du lịch có tiềm năng, lợi thế của địa phương như: du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử, làng cổ, làng nghề, nông nghiệp, trải nghiệm các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh. Tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; tổ chức các sự kiện kinh tế, xã hội, thể thao, văn hóa, ngoại giao tầm quốc gia, quốc tế; mở rộng hợp tác, liên kết vùng, liên tỉnh trong phát triển tour, tuyến du lịch, nâng cao chất lượng và sức hút của sản phẩm du lịch

tỉnh Hưng Yên trong chuỗi giá trị du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Xác định đô thị hóa cùng với phát triển kinh tế đô thị là một động lực phát triển của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện đồng bộ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở; hình thành các khu vực đô thị trung tâm quy mô lớn, các khu đô thị vệ tinh, đô thị chức năng. Tập trung ưu tiên đầu tư, xây dựng đáp ứng trực tiếp các tiêu chí đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế đô thị; phát triển chuỗi các đô thị và có sự kết nối giữa các đô thị trung tâm, đô thị chức năng; phát triển các khu đô thị lớn, siêu lớn, sinh thái, thông minh, hiện đại, các mô hình đô thị mới theo định hướng giao thông (TOD). Phát triển nhà ở xã hội, nhất là dành cho công nhân, người lao động; cải thiện điều kiện nhà ở khu vực nông thôn.

Phát triển ngành năng lượng, phấn đấu sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng. Xây dựng trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp; hình thành chuỗi khí, điện; hydrogen, nhà máy điện. Ổn định nhiệt điện than; ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng địa nhiệt, hải lưu,...; khuyến khích đầu tư điện hạt nhân module nhỏ. Đẩy mạnh thu hút đầu tư và tiến độ triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình; các dự án sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện rác;

hệ thống dự trữ năng lượng;... Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống truyền tải điện, các trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng. Giảm dần, tiến tới xóa bỏ các trạm trung gian, thay thế bằng các trạm 110kV hoặc bằng các xuất tuyến trung áp mới; huy động nguồn lực từng bước ngầm hóa lưới điện trung và hạ áp hiện có.

Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng biển, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng. Tích cực, chủ động tham gia liên kết trong vành đai kinh tế ven biển duyên hải Bắc Bộ (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hưng Yên - Ninh Bình). Chuyển đổi Khu kinh tế ven biển thành Khu kinh tế tự do, nâng động đa ngành đối chuẩn quốc tế trở thành động lực phát triển mới của tỉnh, bắt kịp xu thế phát triển mới của thế giới và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tỉnh. Khu kinh tế tự do gồm ít nhất 5 cụm liên kết ngành: sản xuất tiên tiến; sản xuất công nghệ cao; năng lượng; dịch vụ số và đổi mới sáng tạo; dịch vụ hỗ trợ và hạ tầng trong các lĩnh vực. Tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án phân bổ, sử dụng không gian biển. Phát triển không gian kinh tế hướng biển để làm giàu từ biển; tập trung lập quy hoạch chi tiết và triển khai đầu tư xây dựng Khu kinh tế tự do với cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội, tự do kinh doanh, thương mại, tài chính, tiền tệ, lao động, nhân tài, nghiên cứu,

chuyển giao công nghệ. Mở rộng quy mô Khu kinh tế tự do thông qua lấn biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia; tạo quỹ đất cho các hoạt động chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội hài hòa với bảo tồn và phục hồi, phát triển hệ sinh thái biển trong các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước. Mở rộng hành lang, không gian hướng biển, kết nối các địa phương ven biển; xây dựng Khu kinh tế tự do trở thành cửa ngõ hướng biển ra thế giới của khu vực phía Bắc và đồng bằng sông Hồng. Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến luồng hàng hải; quy hoạch, xây dựng sân bay, cảng biển nước sâu có năng lực tiếp nhận tàu tải trọng 200 nghìn tấn trở lên; quy hoạch, đầu tư hệ thống giao thông đa phương tiện, vận tải khối lượng lớn, tốc độ cao kết nối Khu kinh tế tự do với quốc lộ, cao tốc, với Thủ đô Hà Nội, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng, các trung tâm, tiểu vùng của tỉnh.

Tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách địa phương theo hướng bền vững, hiệu quả hơn; đa dạng hóa nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản công. Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách địa phương; mở rộng nguồn thu, cơ sở thu, thu từ thuế, phí; giảm dần tỷ trọng nguồn thu không bền vững, nhất là thu tiền sử dụng đất; bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách. Tăng cường triển khai các biện pháp chống thất thu, nhất là trong lĩnh vực đất đai, kinh doanh bất động sản, tài nguyên, khoáng sản, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; đẩy mạnh thực hiện các biện pháp chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại.

Tăng cường triển khai hóa đơn điện tử, thanh toán qua ngân hàng; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước theo pháp luật; thực hiện tiết kiệm, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước; bảo đảm đúng dự toán, tiêu chuẩn, định mức chi, nhiệm vụ chi, nội dung chi. Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công; bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún; tập trung vốn đầu tư công cho các công trình, dự án trọng điểm tạo sức lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các dự án liên kết vùng, các dự án đầu tư hạ tầng chiến lược lớn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chuẩn bị dự án đầu tư; lựa chọn nhà thầu có năng lực tốt; đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư công; thanh, quyết toán vốn đầu tư, bàn giao, đưa công trình hoàn thành vào sử dụng và kết thúc dự án; không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản; kiên quyết xử lý các dự án đầu tư công chậm tiến độ, dờ dằng kéo dài. Rà soát, thống kê, sắp xếp và xử lý hiệu quả các tài sản công, nhất là cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc, đất công sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định giá cả hàng hóa. Đẩy mạnh phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh lành mạnh. Phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh an toàn, hiệu quả. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và người dân tiếp cận tín dụng và dịch vụ tài chính, ngân hàng. Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, hiệu quả; đưa Hưng Yên trở thành thị trường bất động sản lớn

của khu vực. Phát triển thị trường lao động, các dịch vụ lao động, việc làm, trung tâm giới thiệu việc làm. Từng bước phát triển thị trường khoa học, công nghệ, sản phẩm khoa học, công nghệ. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các thị trường; bảo đảm cân đối cung, cầu và ổn định giá cả hàng hóa theo cơ chế thị trường, cạnh tranh lành mạnh; phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật, đầu cơ, thao túng, lũng đoạn thị trường.

Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế biển, năng lượng, công nghiệp. Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ và tăng cường đầu tư hệ thống giao thông, trọng tâm là giao thông, vận tải đa phương tiện, khối lượng lớn, tốc độ cao, chi phí thấp, nhất là đường sắt đô thị tốc độ cao, đường cao tốc, quốc lộ, đường biển, đường sông, đường thủy; các tuyến đường giao thông trục chính của tỉnh, tuyến giao thông kết nối với Thủ đô Hà Nội, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng, các tuyến giao thông kết nối các trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng các công trình giao thông trọng điểm kết nối đồng bộ giữa các khu vực trong tỉnh¹; kết nối với thành phố Hà Nội, các tỉnh lân cận;

1. Tuyến đường Đông - Tây kết nối từ phường Phố Hiến về cảng biển Diêm Điền; tuyến đường Bắc - Nam kết nối từ Hưng Yên qua các phường khu vực phía Nam tỉnh đến Cồn Vành; tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng...

kết nối các khu công nghiệp, hệ thống cảng sông, cảng biển, bến thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, trung tâm logistics. Quy hoạch, phát triển hệ thống cảng biển, cảng sông, cảng cạn, hệ thống cầu qua sông kết nối với địa phương giáp ranh, các bến xe công cộng, mạng lưới vận tải liên tỉnh và nội tỉnh. Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong tổng thể tổ chức không gian kinh tế của tỉnh; phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, đáp ứng tiêu chuẩn của các nhà đầu tư toàn cầu và yêu cầu phát triển bền vững. Phát triển nhanh các cụm công nghiệp phục vụ các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa, các dự án nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Hoàn thiện quy hoạch và đẩy mạnh đầu tư đồng bộ các hạ tầng thương mại, dịch vụ, đô thị, nhà ở, nông thôn mới; hạ tầng y tế, thủy lợi, bảo vệ môi trường, cấp, thoát nước và phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo; hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, năng lượng, chiếu sáng, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình.

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai các mô hình kinh tế mới, mang tính sáng tạo là nền tảng, động lực, tạo đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, tăng năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Phát triển kinh tế số, chính quyền số, xã hội số. Đến năm 2030, kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực, cả khối chính quyền, khối các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội, trong đó lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Ưu tiên phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, có thế mạnh của tỉnh. Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tích hợp, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng nền tảng số, các ứng dụng số, công cụ và giải pháp công nghệ. Chuyển nhanh sang làm việc trên môi trường số. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, trang bị kiến thức số cho mọi người dân, cán bộ, đảng viên; triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, công viên công nghệ, trung tâm dữ liệu lớn trong Khu Đại học Phố Hiến, Khu kinh tế tự do. Phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, tài sản trí tuệ, tài sản mã hóa, tài sản số. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, kết nối với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các đối tác quốc tế. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ chất lượng cao. Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ,

chuyển đổi số. Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm là đặc sản của địa phương; triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, uy tín của sản phẩm, hàng hóa.

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế; tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý nằm sát Thủ đô Hà Nội, trong vùng đồng bằng sông Hồng phát triển nhanh, năng động, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, lợi thế biển, hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, kết nối cao, tiềm năng về đất đai, lao động. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo đột phá và không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ; đổi mới lề lối, phương pháp, phong cách phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, nâng cao chất lượng dịch vụ công, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, chuyển đổi số; nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhất là doanh nghiệp lớn, tập đoàn đa quốc gia. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đầu tư cho các khâu đột phá chiến lược,

các ngành, lĩnh vực, địa bàn mang tính động lực phát triển. Phát huy vai trò của đầu tư công mở đường, lôi kéo, dẫn dắt đầu tư tư nhân; tăng cường triển khai các phương thức đầu tư đối tác công tư, nhất là trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

Tiếp tục phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. Xây dựng hệ thống doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động lành mạnh, hiệu quả, trong đó có một số doanh nghiệp lớn, có năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu trong các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, bất động sản, thương mại, dịch vụ, logistics, kinh tế biển. Đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị, công nghệ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết cơ cấu lại, xử lý doanh nghiệp nhà nước yếu kém, hoạt động kém hiệu quả. Phát triển kinh tế tư nhân, nòng cốt là doanh nghiệp của tư nhân, một động lực phát triển quan trọng nhất của tỉnh, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hoạt động khởi nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 45 nghìn doanh nghiệp tư nhân và khoảng 230 nghìn hộ kinh doanh. Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác và Liên minh Hợp tác xã. Phát triển các mô hình hợp tác xã chuyên ngành, mô hình

hợp tác xã kiểu mới có năng lực quản trị, điều hành, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các hợp tác xã; giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể tham gia các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Khuyến khích kinh tế hộ gia đình và các làng nghề phát triển hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường. Rà soát, hoàn thiện quy định, cơ chế, chính sách quản lý, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể được thành lập, hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững; tiếp cận thuận lợi các nguồn lực, yếu tố đầu vào của sản xuất (đất đai, vốn, lao động, thông tin, cơ hội đầu tư), thị trường, đổi mới quản trị, ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số. Tạo điều kiện để các hộ kinh doanh thành lập doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa thành doanh nghiệp lớn. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các doanh nghiệp, chủ thể sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kiên quyết xử lý dứt điểm các “điểm nóng” ô nhiễm môi trường. Tổng rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý dứt điểm các vi phạm về đất đai, xây dựng và các dự án đầu tư có sử dụng đất không triển khai, chậm tiến độ, gây lãng phí tài nguyên, nguồn lực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường.

Đến năm 2030, hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường hiện đại. Huy động cả hệ thống chính trị tham gia công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư; tăng cường tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người dân có đất bị thu hồi. Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng hiệu quả các mỏ cát, đất, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Rà soát quy hoạch, sắp xếp và đầu tư xây dựng hệ thống khai thác, sản xuất, cung cấp, phân phối nước sạch cạnh tranh, dễ tiếp cận và chi phí hợp lý. Tăng cường đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn. Xây dựng các khu xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt quy mô lớn với công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng và tái chế chất thải. Rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các nguồn phát thải, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các làng nghề, cụm công nghiệp, các bãi rác tồn đọng, điểm tập kết rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đi đôi với giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của mọi người dân. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường trên hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Tiếp tục đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động. Tăng cường công tác quản lý, phát triển và bảo vệ rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên. Nâng cao năng lực

và chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường đầu tư, cải tạo, nâng cao hệ thống đê sông, đê biển và hệ thống thủy lợi; bảo đảm các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng các tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng công viên vĩnh hằng, đài hóa thân hiện đại, sinh thái; tổ chức các dịch vụ mai táng văn minh, thân thiện với môi trường.

3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, con người Hưng Yên; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả y tế, giáo dục, đào tạo; cải thiện an sinh, phúc lợi xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân

Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hưng Yên toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ; lấy con người làm trung tâm trong chính sách phát triển. Chú trọng phát triển văn hóa chính trị, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân. Đề cao, khuyến khích vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân và những người làm công tác văn hóa. Bảo tồn, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, mang đậm bản sắc của Hưng Yên; bảo tồn, phát triển các bộ môn nghệ thuật truyền thống. Phát triển công nghiệp văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, giải trí; quy hoạch không gian thể thao, văn hóa sáng tạo, phát triển nghệ thuật. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách về

hưởng thụ văn hóa giữa các địa phương, đối tượng. Hình thành một số trung tâm thể thao, tổ hợp thể thao quy mô lớn, tầm quốc gia. Khuyến khích phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thể thao chuyên nghiệp và thể thao thành tích cao. Đổi mới cơ chế quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao.

Tăng cường đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng số, hệ thống viễn thông, thông tin và truyền thông. Chú trọng quản lý và giám sát thông tin mạng xã hội, chủ động đấu tranh, phân bác và đẩy lùi các thông tin xấu, độc, góp phần bảo vệ môi trường mạng an toàn, lành mạnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin chính thống và tích cực của người dân, hình thành văn hóa số trong cộng đồng. Xây dựng, phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, giám sát và ứng phó kịp thời với các sự cố an ninh.

Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hệ thống y tế; nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, được lập Sổ sức khỏe điện tử; đến năm 2027 có ít nhất từ 4 - 5 bác sĩ; đến năm 2030, 100% trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ. Sắp xếp và nâng cao năng lực của các bệnh viện tuyến tỉnh,

khu vực, hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; tạo điều kiện để mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng. Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành y tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về y tế, sức khỏe người dân. Triển khai các dự án đầu tư xây dựng một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, trung tâm y tế chất lượng cao, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, phát triển kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu; khuyến khích đầu tư phát triển các bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân. Đổi mới cơ chế quản lý y tế; phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức, bác sĩ và nhân viên y tế chất lượng cao; tăng cường lực lượng bác sĩ ở tuyến cơ sở. Kết hợp hài hòa y học hiện đại và y học cổ truyền. Dự báo, giám sát và phát hiện sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh; bảo đảm an ninh y tế, ứng phó với các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, rối loạn sức khỏe tâm thần. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát an toàn thực phẩm. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; có chính sách thích ứng với già hóa dân số; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện. Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm tinh gọn, hiện đại,

đạt chuẩn, đa dạng về loại hình, có cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo hợp lý, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và thị trường lao động. Phấn đấu tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%; tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 24%. Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trước năm 2030; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Phấn đấu đưa giáo dục phổ thông của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu của cả nước. Tăng cường giáo dục toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, phát huy năng khiếu, sở trường của học sinh; nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, giáo dục; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ, nghệ thuật. Tăng cường định hướng nghề nghiệp, đẩy mạnh phân luồng, giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, bảo đảm công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời. Xây dựng văn hóa học đường lành mạnh. Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của địa phương. Xây dựng các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và

quốc tế. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là Khu Đại học Phố Hiến, Khu kinh tế tự do và một số khu vực khác. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao, nhất là ngành nghề kỹ thuật, công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh. Bảo đảm đủ kinh phí nhà nước đi đôi với huy động nguồn lực xã hội cho giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường đầu tư xây dựng, kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học, nhất là các trường chuyên, trường năng khiếu; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn. Ưu tiên dành quỹ đất, trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục. Bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống an sinh xã hội đồng bộ, tiến bộ, công bằng, bền vững. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công; giảm nghèo bền vững. Phát triển và quản lý hiệu quả hệ thống bảo hiểm, tín dụng chính sách; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, hạn chế và khắc phục

rủi ro xã hội cho mọi người dân, nhất là nhóm đối tượng yếu thế. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, linh hoạt; khuyến khích hình thành các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập. Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng; cải thiện điều kiện, môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân.

4. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng, quân sự địa phương; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy đối ngoại nhân dân

Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát với mục tiêu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân hiện đại, thể trận an ninh nhân dân và thể trận lòng dân vững mạnh. Quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới vùng biển; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, các công trình phòng thủ vững chắc. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền, vai trò tham mưu của ban, ngành, đoàn thể các cấp, nòng cốt là cơ quan quân sự, công an trong xây dựng, hoạt động của khu vực phòng thủ; thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, quy chế phối hợp hiệp đồng giữa lực lượng quân sự, công an, dân quân tự vệ và các lực lượng trong xử lý tình huống phức tạp về quốc phòng, an ninh.

Tổ chức lực lượng quân đội phù hợp với địa bàn và chính quyền địa phương hai cấp; xây dựng lực lượng thường trực tinh, gọn, mạnh, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 1,6 - 1,8% dân số; huấn luyện 100% cơ sở dân quân tự vệ, quân số đạt trên 90%. Bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm và chất lượng đề ra. Tổ chức thực hiện hiệu quả và hoàn thành 100% các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự; diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ mỗi năm từ 2 - 3 sở, ngành; diễn tập chiến đấu phòng thủ 100% xã, phường. Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Thường xuyên cảnh giác, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng; nâng cao nhận thức, nhận diện và đấu tranh phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; chủ động xử lý các tình huống không để bị động, bất ngờ. Thực hiện chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội.

Xây dựng lực lượng Công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, tư tưởng - văn hóa, kinh tế, xã hội, thông tin, truyền thông, an ninh mạng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng,

chống cháy, nổ hiệu quả. Chủ động nắm tình hình, kịp thời giải quyết các vụ việc tiềm ẩn phức tạp, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra gây rối an ninh, bạo loạn, lật đổ; không để hình thành tổ chức chính trị đối lập, hội nhóm trái phép và hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh phòng ngừa, đấu tranh với các tệ nạn xã hội, tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Hằng năm, giảm số người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy; phấn đấu đến năm 2030 đạt ít nhất 50% số xã, phường không có ma túy. Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở vững mạnh. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng hoạt động ở cơ sở. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06.

Tăng cường kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quy hoạch, triển khai khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước; đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Tăng cường nguồn lực đầu tư, xây dựng lực lượng Quân đội, Công an tinh cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao nhân dân, góp phần huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao nhân dân, lấy người dân địa phương

và doanh nghiệp làm trung tâm. Củng cố, làm sâu sắc hơn các quan hệ với các đối tác truyền thống, đồng thời chủ động, tích cực mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với các đối tác mới, tiềm năng trên thế giới. Tăng cường đàm phán, ký kết, thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác phát triển quốc tế về đầu tư, thu hút các nguồn vốn nước ngoài, du lịch, xuất khẩu, lao động, văn hóa, giáo dục, đào tạo. Tăng cường xúc tiến thương mại, đầu tư; tổ chức các sự kiện kinh tế, văn hóa, ngoại giao; giới thiệu, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế, các cơ chế, chính sách của tỉnh với thế giới.

*

* *

Phát huy thành quả đạt được trong những năm qua và truyền thống văn hóa, yêu nước, lịch sử vẻ vang, cách mạng anh hùng, với phương châm **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”**, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh tăng cường đoàn kết, thống nhất, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tự tin, tự lực, tự cường tạo đột phá phát triển tỉnh Hưng Yên nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, giàu đẹp, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, đồng hành cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng.

PHỤ LỤC 1A
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN LẦN THỨ XIX,
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Đại hội	Kết quả thực hiện	So với mục tiêu Đại hội
I.	KINH TẾ				
1.	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh (GRDP)	%	7,5 - 8	9,9	Vượt
	Tốc độ tăng giá trị sản xuất theo giá so sánh	%		9,8	
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2 - 2,5	2,4	Đạt
	Công nghiệp, xây dựng	%		10,1	Đạt
	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	9 - 10	9,4	Đạt
	Thương mại, dịch vụ	%	7 - 7,5	10,2	Vượt
2.	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	130	133	Vượt
3.	Cơ cấu kinh tế	%		100	Đạt
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	6	6,4	
	Công nghiệp, xây dựng	%	66	63,4	
	Thương mại, dịch vụ	%	28	24,5	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%		5,7	
4.	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỉ đồng	250.000	328.645	Vượt
5.	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỉ đồng	21.500	44.923	Vượt
	Thu nội địa	Tỉ đồng	16.500	40.623	
	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỉ đồng	5.000	4.300	
6.	Kim ngạch xuất khẩu				Vượt
	Tăng trưởng	%	9,5 - 10	14	Vượt
	Giá trị	Triệu USD	8.500	8.650	Vượt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Đại hội	Kết quả thực hiện	So với mục tiêu Đại hội
7.	Tỷ lệ đô thị hóa	%	47	48,2	Vượt
II.	XÃ HỘI				
8.	Tỷ lệ hộ nghèo	%	< 1	0,35	Đạt
9.	Tiêu chí xây dựng nông thôn mới				Vượt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	50 - 60	100	Vượt
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	25 - 30	67	Vượt
	Huyện đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu	Huyện	1	2	Vượt
10.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71	71	Đạt
11.	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm				Đạt
	Bảo hiểm y tế	%	95	96	Vượt
	Bảo hiểm xã hội	%	45	39,8	Không đạt
12.	Dân số				Vượt
	Tuổi thọ trung bình	tuổi	75	76	Vượt
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	< 1	0,9	Đạt
13.	Y tế				Vượt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	Đạt
	Số bác sĩ/10.000 dân	bác sĩ	10	10	Đạt
	Số giường bệnh/10.000 dân	giường bệnh	30	33	Vượt
14.	Tỷ lệ gia đình văn hóa, cơ quan, đơn vị, làng, khu phố văn hóa				Đạt
	Gia đình văn hóa	%	92	92,3	Đạt
	Làng, khu phố văn hóa	%	90	90,5	Đạt
III.	MÔI TRƯỜNG				
15.	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch	%	100	100	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Đại hội	Kết quả thực hiện	So với mục tiêu Đại hội
16.	Tỷ lệ xử lý chất thải				Đạt
	Ở đô thị	%	95	100	Đạt
	Ở nông thôn	%	90	100	Đạt
	Chất thải nguy hại	%	100	100	Đạt
17.	Quản lý môi trường trong các doanh nghiệp				Đạt
	Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn	%	100	100	Đạt
	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	100	100	Đạt
IV.	XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18.	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt mức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	>70	91,88	Vượt
	Trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	%	20	20	Đạt
19.	Kết nạp đảng viên mới	đảng viên /năm	1.600	1.686	Vượt

PHỤ LỤC 1B
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI BÌNH LẦN THỨ XX,
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Đại hội	Kết quả thực hiện	So với mục tiêu Đại hội
I.	CHỈ TIÊU BÌNH QUÂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025				
1.	Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 90% trở lên; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên.	%	90	90	Đạt
2.	Cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xếp loại tốt đạt 90% trở lên.	%	90	90	Đạt
3.	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%/năm	10	8,36	Không đạt
4.	Tốc độ tăng năng suất lao động (tính theo giá so sánh)	%/năm	9	8,1	Không đạt
5.	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu	%/năm	10	14,8	Vượt
6.	Tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm so với GRDP	%	60	50,5	Không đạt
7.	Tốc độ tăng thu ngân sách nội địa (không tính tiền thu sử dụng đất)	%/năm	12	1,1	Không đạt
II.	CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2025				
8.	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong GRDP (không tính thuế sản phẩm)	%	80	80,8	Vượt
9.	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	90	79,6	Không đạt
10.	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động toàn xã hội	%	22,0	20	Không đạt
11.	Tỷ lệ đô thị hóa	%	30	27,8	Không đạt
12.	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	95	95,0	Đạt
13.	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	14	14	Đạt
14.	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	99	99	Đạt

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Đại hội	Kết quả thực hiện	So với mục tiêu Đại hội
15.	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	78	78	Đạt
16.	Số hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025) giảm so với năm 2020	Số hộ	1/3	30/77	Vượt
17.	Tỷ lệ gia đình, thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%	90	> 90	Vượt
18.	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	%	20	23,6	Vượt
19.	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt
20.	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	80 trở lên	36,4	Không đạt

PHỤ LỤC 2

MỘT SỐ THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ QUỐC PHÒNG, AN NINH TỈNH HƯNG YÊN, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Kinh tế phát triển khá toàn diện, nhanh và bền vững hơn với nhiều thành tựu ấn tượng; một số lĩnh vực có bước đột phá, nâng tầm thế và lực của tỉnh; tài nguyên được quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả hơn; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường

1.1. Kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững hơn; quy mô nền kinh tế được nâng cao, tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng công nghiệp, dịch vụ gắn với nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng; cơ bản hoàn thành những mục tiêu chủ yếu, quan trọng đã đề ra

Tốc độ tăng trưởng, quy mô nền kinh tế tăng nhanh, giá cả hàng hóa và các cân đối kinh tế lớn duy trì ổn định. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp, dịch vụ; năng suất lao động tăng nhanh¹, hiệu quả đầu tư tăng lên (tỷ lệ ICOR giảm từ 7,69 xuống còn 7,02), chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng mạnh; huy động được nguồn lực xã hội lớn cho đầu tư phát triển; hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển nhanh, khá đồng bộ, nhất là hạ tầng giao

1. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt 10,45%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025, cao hơn mức 8,81%/năm của giai đoạn 2016 - 2020.

thông, hạ tầng đô thị và nông thôn; diện mạo đô thị và nông thôn thay đổi rõ nét; kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu rất tích cực và thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Hoàn thành đa số các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,17%/năm, cao hơn giai đoạn 2016 - 2020 (8,28%/năm). Năm 2025, quy mô GRDP ước đạt 328.283 tỉ đồng, gấp 1,73 lần so với năm 2020. GRDP bình quân đầu người tăng nhanh; đến năm 2025 ước đạt 101,5 triệu đồng (tương đương 4.200USD), tăng 67,77% so với năm 2020. Năm 2025, ước khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 11,9% GRDP; công nghiệp, xây dựng chiếm 55,8% GRDP, dịch vụ chiếm 27,2% GRDP; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,1% GRDP¹.

1.2. Ngành công nghiệp tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao; đồng thời, phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đa dạng

Công nghiệp, xây dựng luôn có tốc độ tăng trưởng cao, tiếp tục giữ vai trò mũi nhọn, đóng góp lớn vào tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ (điện tử, linh kiện, máy tính, thiết bị di động, công nghệ số, lắp ráp ô tô và phụ tùng, chế biến thực phẩm, năng lượng...), trong đó có

1. Năm 2020 lần lượt là 17,4% - 49,4% - 26,5% - 6,7% GRDP.

nhiều dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của ngành công nghiệp, xây dựng đạt 11,79%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 13,7%/năm (lần lượt cao hơn mức 11,74%/năm và 12,4%/năm của giai đoạn 2016 - 2020). Tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống tiếp tục phát triển đa dạng, tạo thêm nhiều việc làm và nâng cao thu nhập, đời sống của nhân dân ở khu vực nông thôn.

1.3. Thương mại, dịch vụ phát triển nhanh cùng với đẩy mạnh xây dựng các hạ tầng hỗ trợ

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP của khu vực dịch vụ đạt 9,13%/năm và giá trị thương mại, dịch vụ đạt 11,42%/năm (lần lượt cao hơn mức 6,54%/năm và 9,68%/năm của giai đoạn 2016 - 2020); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng cao, bình quân tăng 23,2%/năm, quy mô đến năm 2025 gấp 2,88 lần so với năm 2020. Dịch vụ du lịch, vận tải và logistics phát triển đa dạng, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hóa và đi lại của người dân. Các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ bán lẻ trực tiếp phát triển ở cả thành thị và nông thôn; hoạt động thương mại điện tử có bước tiến quan trọng; kinh doanh, mua bán trực tuyến trên nền tảng số phổ biến hơn. Hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm và xây dựng thương hiệu được quan tâm phát triển, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 11.968 triệu USD, bình quân tăng 14,2%/năm, gấp 1,94 lần so với năm 2020.

Dịch vụ du lịch phát triển khá và ngày càng khẳng định vị trí trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, nhất là du lịch văn hóa tâm linh gắn với các lễ hội. Hoạt động du lịch có nhiều chuyển biến tích cực; sản phẩm du lịch từng bước đa dạng hóa và nâng cao chất lượng (như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch cộng đồng, làng nghề...); công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch có nhiều đổi mới, thu hút đông đảo du khách đến tham quan, trải nghiệm, khám phá. Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả, cung cấp các dịch vụ, tiện ích đa dạng, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

1.4. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định, gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, tạo sự chuyển biến rõ nét diện mạo của nông nghiệp, nông thôn

Trong giai đoạn 2021 - 2025, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định với tốc độ tăng GRDP bình quân đạt 2,22%/năm và giá trị sản xuất tăng bình quân 3,96%/năm, thấp hơn mức tăng bình quân tương ứng lần lượt 2,58%/năm và 7,66%/năm của giai đoạn 2016 - 2020 do chuyển đổi khá lớn diện tích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (công nghiệp, đô thị, nhà ở, giao thông,...). Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác¹; hình thành các khu

1. Tỉnh Hưng Yên (cũ) đạt 250 triệu đồng/ha canh tác; tỉnh Thái Bình đạt 201,3 triệu đồng/ha canh tác.

chuyên canh, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao gắn với chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp và đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn kết các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản; coi trọng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và bảo vệ môi trường, quy hoạch vùng nuôi trồng, xây dựng thương hiệu nông sản, dán nhãn chỉ dẫn địa lý, xuất xứ vùng trồng, chăn nuôi; đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến bán hàng và các phương thức tiêu thụ nông sản dựa trên nền tảng số, thương mại điện tử. Các đặc sản, nông sản truyền thống của địa phương như nhãn lồng, vải trứng, hạt sen, cam, chuối... được quan tâm đầu tư mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ trong trồng trọt cho năng suất, giá trị cao hơn, chất lượng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu thị trường. Số lượng các sản phẩm OCOP tăng rất nhanh¹.

Chăn nuôi phát triển theo hình thức trang trại, ứng dụng khoa học - công nghệ, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường. Nuôi trồng thủy sản được quan tâm đầu tư, phát huy lợi thế khu vực ven sông, khai thác khu vực ven biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển quốc gia; chuyển mạnh sang phương thức thâm canh, bán thâm canh, nuôi cá lồng trên sông và sản xuất con giống². Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các mô hình kinh tế tập thể,

1. Ước tính đến cuối năm 2025 có 627 sản phẩm OCOP, gấp 7,2 lần so với năm 2020.

2. Tổng sản lượng thủy sản của tỉnh Thái Bình năm 2025 ước đạt 305,8 nghìn tấn, tăng 17,5% so với năm 2020.

hợp tác xã hiệu quả trong nông nghiệp, góp phần cải thiện thu nhập của người dân, giảm nghèo, phát triển kinh tế nông thôn. Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đạt nhiều kết quả nổi bật, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân¹.

1.5. Phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình

Doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp ngoài nhà nước là lực lượng nòng cốt đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm mới, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Nhờ những nỗ lực không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thành lập và hoạt động, số doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh tăng nhanh. Trong giai đoạn 2021 - 2025, có 14.186 doanh nghiệp được thành lập mới với số vốn đăng ký 200.199 tỉ đồng, tăng 47,63% về số doanh nghiệp và 126,89% về vốn đăng ký, nâng tổng số doanh nghiệp được thành lập đến ngày 30/6/2025 lên 22.676 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 342.938 tỉ đồng, tăng 71,64% về số doanh nghiệp và 88,44% về vốn đăng ký

1. Đến tháng 6/2025, tỉnh Hưng Yên (cũ) có 2 huyện (Văn Giang, Phù Cừ) và 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 43% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (vượt Nghị quyết Đại hội); tỉnh Thái Bình có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và gần 3% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

so với cuối năm 2020. Các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động, đóng vai trò quan trọng trong một số lĩnh vực thiết yếu như bảo vệ môi trường, dịch vụ và hạ tầng thủy lợi,... Các hợp tác xã, tổ hợp tác không ngừng được đổi mới và phát triển cả về số lượng và chất lượng¹; thu hút được khá nhiều thành viên, hoạt động năng động và chủ động cơ cấu lại sản xuất phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và giải quyết các vấn đề xã hội ở địa phương.

1.6. Thu ngân sách địa phương tăng vượt bậc, bền vững, bảo đảm đáp ứng việc thực hiện các nhiệm vụ chi, cân đối ngân sách ổn định vững chắc hơn; kỷ cương, kỷ luật quản lý ngân sách được tăng cường

Năm 2025, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt hơn 74.432 tỉ đồng, vượt xa mục tiêu đề ra. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 ước thực hiện đạt 269.993 tỉ đồng, gấp gần 2,38 lần so với giai đoạn 2016 - 2020, tăng mạnh cả thu từ tiền sử dụng đất do đẩy mạnh đô thị hóa và thu từ sản xuất, kinh doanh. Cơ cấu thu chuyển biến theo hướng tích cực, bền vững hơn; nguồn thu, cơ sở thu mở rộng; các khoản thu từ các sắc thuế, phí, lệ phí đều có sự tăng trưởng; thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất tăng cao so với giai đoạn trước và vượt kế hoạch

1. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 1 liên minh hợp tác xã, 2 liên hiệp hợp tác xã, 992 hợp tác xã với 814.067 thành viên, tăng 15,34% số hợp tác xã và 56,07% số thành viên; 945 tổ hợp tác với 4.410 thành viên, tăng 207,82% số tổ hợp tác và tăng 72,6% thành viên tổ hợp tác so với cuối năm 2020.

hàng năm đề ra. Công tác điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước được tăng cường, bảo đảm đúng chế độ, chính sách, hiệu quả và triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển. Cân đối ngân sách ổn định cao, không phát sinh bội chi; nguồn dự phòng ngân sách hợp lý đủ để chủ động ứng phó với các tình huống đột xuất, bất ngờ (thiên tai, dịch bệnh...). Nhờ nguồn thu ngân sách địa phương tăng nhanh, tỉnh có điều kiện tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh điều chỉnh tăng nhiều lần, đạt tổng vốn đầu tư công 152.155 tỉ đồng, mức lớn nhất từ trước đến nay và gấp 3,92 lần so với giai đoạn 2016 - 2020.

Hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng cơ bản ổn định; huy động vốn, tín dụng ngân hàng tăng trưởng khá, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh tiếp tục quan tâm, bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách, góp phần giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội¹.

1.7. Kết quả thực hiện các đột phá chiến lược khá toàn diện, trong đó có lĩnh vực đạt được kết quả vượt bậc, nhất là hạ tầng giao thông, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững hơn

- Đẩy mạnh triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, không ngừng cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh,

1. Tổng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng ước đạt 127 nghìn tỉ đồng (tăng 65%); dư nợ cho vay bình quân hàng năm đạt 100 nghìn tỉ đồng (tăng 13%/năm).

nâng cao năng lực cạnh tranh. Tỉnh Hưng Yên (cũ) là tỉnh dẫn đầu cả nước về mức độ cải thiện xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tích cực xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, thân thiện và phục vụ nhân dân, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; đổi mới lề lối, phong cách làm việc, nâng cao chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân¹ và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, tạo sự chuyển biến tích cực trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh² đi đôi với đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư với chủ trương, định hướng chiến lược, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư đồng bộ, rõ ràng về đối tượng, lĩnh vực ngành nghề

1. Xếp hạng chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp (SIPAS) năm 2024: tỉnh Hưng Yên (cũ): 8/63; tỉnh Thái Bình: 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2024: tỉnh Hưng Yên (cũ): 14/63; tỉnh Thái Bình: 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2024: tỉnh Hưng Yên (cũ): 19/63; tỉnh Thái Bình: 15/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024 của tỉnh Hưng Yên (cũ) đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 43 bậc (mức tăng nhanh nhất cả nước); tỉnh Thái Bình xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giảm 5 bậc so với năm 2020.

trọng tâm¹. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới, số lượng dự án đầu tư mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tăng mạnh, trong đó có nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao, tạo nguồn lực rất lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn 2021 - 2025, có 912 dự án đầu tư được cấp phép mới (trong đó có 555 dự án vốn đầu tư trong nước và 357 dự án vốn đầu tư nước ngoài) với tổng số vốn đăng ký và tăng thêm là 368.194 tỉ đồng và gần 10 tỷ USD. Đến cuối tháng 6/2025, tỉnh Hưng Yên có 3.880 dự án đầu tư còn hiệu lực (trong đó có 2.994 dự án vốn đầu tư trong nước với 643.737 tỉ đồng vốn đăng ký và 886 dự án vốn đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký hơn 16 tỉ USD). Hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình trước đây đã lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mở ra không gian mới, động lực tăng trưởng mạnh mẽ².

- *Tập trung huy động nguồn lực đầu tư, tạo chuyển biến mang tính đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội.* Đầu tư hạ tầng

1. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án khu đô thị, khu du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái; dự án khu thương mại tập trung, khu dịch vụ tổng hợp, siêu thị, trung tâm thương mại; dự án trung tâm dịch vụ logistics; dự án khu bến cảng; dự án khu nuôi trồng và chế biến thủy hải sản; các dự án đầu tư công nghiệp công nghệ cao, sản xuất sản phẩm máy tính, thiết bị điện tử và linh kiện, ô tô và phụ tùng, thiết bị điện, sản phẩm điện tử gia dụng...

2. Mục tiêu xây dựng tỉnh Hưng Yên (cũ) trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế, trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước và thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng tỉnh Thái Bình trở thành địa phương thuộc nhóm phát triển khá và là một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng đồng bằng sông Hồng.

kinh tế, xã hội, thương mại, dịch vụ, đô thị, nông thôn, y tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, hạ tầng số, viễn thông, điện, nước, thủy lợi, nhất là hạ tầng giao thông, các trục giao thông đầu mối, trọng điểm, tuyến giao thông huyết mạch trong tỉnh, kết nối với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, duyên hải Bắc Bộ¹ đã góp phần đưa kinh tế tỉnh tăng trưởng nhanh.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển nhanh bằng nguồn vốn đầu tư công, nguồn xã hội hóa, góp phần phát triển hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, nông thôn và đô thị. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 636.304 tỉ đồng, gấp 1,67 lần giai đoạn 2016 - 2020; tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP bình quân đạt 47,6%, giảm 1,3% GRDP so với giai đoạn 2016 - 2020. Tỉnh đã quy hoạch 7 đường cao tốc, 12 quốc lộ, 57 đường tỉnh, 5 tuyến đường sắt và 43 cầu quan trọng, nhất là 5 cầu lớn qua sông Hồng² kết nối với Thủ đô Hà Nội.

1. Dự án tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (Giai đoạn II); dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội đoạn qua tỉnh Hưng Yên; dự án đường vành đai 3,5; dự án đường Tân Phúc - Vông Phan; dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài; dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục ngang kết nối QL39 với ĐT.376; dự án ĐT.382B (đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng); dự án đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng; dự án đường kết nối ĐT.387 với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; dự án đầu tư tuyến đường bộ ven biển; dự án đường cao tốc CT-08;...

2. Cầu Ngọc Hồi, cầu Mễ Sở, cầu Đông Ninh, cầu Chí Tân, cầu Mai Động.

Nhiều công trình, dự án giao thông trọng điểm, quan trọng đã được đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thành và đưa vào khai thác trong 5 năm qua¹ với chiều dài hàng nghìn kilômét; tỷ lệ các tuyến đường được trải nhựa, bê tông hóa cao² tạo bước phát triển đột phá, làm thay đổi diện mạo, năng lực về hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh, tạo hành lang đón làn sóng đầu tư, tạo lợi thế cạnh tranh thu hút vốn, góp phần cải thiện đời sống nhân dân ở cả khu vực đô thị và nông thôn, thu hẹp khoảng cách trình độ phát triển giữa các địa phương.

Hạ tầng đô thị phát triển nhanh cùng với quá trình tăng tốc đô thị hóa³ và triển khai các dự án khu đô thị lớn,

1. Đến cuối năm 2025, tỉnh Hưng Yên có 26,55km đường cao tốc; 237,4km quốc lộ, tăng 35,2km; 626,3km đường tỉnh, tăng 243km; 793,5km đường huyện, tăng 147,6km; 352,5km đường đô thị, tăng 237,6km; 203,5km đường chuyên dùng, tăng 111,8km; 2.541,3km đường xã, liên xã, thôn, tăng 1.022km so với năm 2020.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hưng Yên (cũ) hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng 28,14km quốc lộ, 127,13km đường tỉnh, 229,6km đường huyện, 43km đường đô thị, 76km đường chuyên dùng và trên 1.000km đường xã, liên xã, thôn; tỉnh Thái Bình đã hoàn thành đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng 1.182km đường cả ở 4 cấp (bao gồm 7,1km quốc lộ, 86,2km đường tỉnh, 546km đường huyện, 543km trục xã và đường giao thông nông thôn), nổi bật là triển khai xây dựng 3 tuyến đường bộ cao tốc (CT.08, CT.39, CT.16), các tuyến đường trong Khu kinh tế, cảng biển và một số cảng cạn ICD.

2. Tỷ lệ 99,53% các tuyến đường huyện, đô thị, 99,4% đường xã, liên xã được trải nhựa hoặc bê tông; 93,27% đường trong thôn, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa.

3. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 ước đạt 34,4%, trong đó tỉnh Hưng Yên (cũ) đạt 48,2%, tăng 7% và tỉnh Thái Bình đạt 25,1%, tăng 3,65% so với cuối năm 2020.

hiện đại, sinh thái¹ và phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp góp phần quan trọng cải thiện điều kiện nhà ở², chất lượng hạ tầng đô thị. Toàn tỉnh hiện có 35 đô thị³; nhiều công trình trọng điểm đã được hoàn thành, tạo điểm nhấn cảnh quan đô thị, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân⁴. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được tập trung đầu tư phát triển theo hướng hiện đại; gắn phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Hạ tầng thương mại, dịch vụ được quan tâm đầu tư phát triển theo hướng hiện đại. Hạ tầng thương mại điện tử đang từng bước hoàn thiện. Hạ tầng vận tải đã kết nối liên thông cảng, bến thủy nội địa với các trung tâm logistics, cảng cạn ICD, ga đường sắt tạo điều kiện nâng tầm phát triển công nghiệp, dịch vụ và thương mại.

Nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp được triển khai và hoạt động hiệu quả, trở thành phương thức chủ

1. Như các dự án khu đô thị: Đại An, Dream City, Ecopark, Kiến Giang, Alluvia City,...

2. Trong giai đoạn 2021 - 2025, xây dựng được gần 9,18 triệu m² diện tích sàn nhà ở thương mại và 1.500 căn nhà ở xã hội với diện tích 81.148 m².

3. Tỉnh Hưng Yên (cũ) có 23 đô thị (gồm 1 đô thị loại III, 1 đô thị loại IV, 1 đô thị loại IV trung tâm huyện và 20 đô thị loại V). Tỉnh Thái Bình có 12 đô thị (gồm 1 đô thị loại II, 2 đô thị loại IV, 9 đô thị loại V).

4. Tiêu biểu là: Quảng trường, Tượng đài Bác Hồ với nông dân, Công viên Kỳ Bá, hồ Ty Rượu...

đạo thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài¹, nhất là các dự án đầu tư nước ngoài quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại thay thế cho phương thức thu hút các dự án rời lẻ ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Khu kinh tế ven biển được tích cực đầu tư, xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, xã hội và trở thành điểm sáng thu hút nhiều dự án đầu tư lớn, dần trở thành một trung tâm và động lực phát triển kinh tế quan trọng của tỉnh². Trong giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh có thêm 8 khu công nghiệp được thành lập mới và một số khu công nghiệp được phép mở rộng; có 26 cụm công nghiệp được thành lập. Đến cuối

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên (cũ) ban hành và giám sát thường xuyên, chặt chẽ việc thực hiện nhiều nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo về phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp với nhiều giải pháp quyết liệt, như quy định thời gian triển khai hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật không quá 12 tháng đối với cụm công nghiệp, 24 tháng đối với khu công nghiệp dưới 150ha và 36 tháng đối với khu công nghiệp từ trên 150ha.

2. Đã hoàn thành phê duyệt đối với 13 phân khu chức năng và trên 30 đồ án quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư; các hạ tầng giao thông, cảng, điện, nước, nhà ở, thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí được đầu tư. Đã có 5 khu công nghiệp được thành lập và đang triển khai (giai đoạn 2021 - 2025, thành lập mới 4 khu công nghiệp với tổng diện tích đất 1.427ha). Từ năm 2021 đến tháng 6/2025, khu kinh tế đã thu hút được 133.000 tỉ đồng vốn đầu tư (không bao gồm dự án nhà ở), gấp hơn 8 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; trong đó vốn đầu tư nước ngoài là 4,3 tỉ USD, gấp hơn 40 lần so với giai đoạn 2016 - 2020. Lũy kế đến cuối tháng 6/2025, khu kinh tế có 240 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký khoảng 196.600 tỉ đồng (không bao gồm dự án nhà ở), trong đó có 171 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 87.800 tỉ đồng và 69 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 4,5 tỉ USD.

tháng 6/2025, tỉnh Hưng Yên có 1 khu kinh tế, 23 khu công nghiệp được thành lập (trong đó 5 khu công nghiệp nằm trong khu kinh tế) với tổng diện tích 5.891,4ha, tỷ lệ lấp đầy 64,9%¹; có 74 cụm công nghiệp đã được thành lập với tổng diện tích 3.931,2ha, trong đó có 34 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã có chủ trương đầu tư được triển khai quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút được nhiều các dự án đầu tư thứ cấp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, tạo việc làm mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách địa phương, trong khi thực hiện chủ trương cơ bản không thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Công tác giải phóng mặt bằng được các cấp ủy² chỉ đạo quyết liệt, có nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả với sự tham gia của cả hệ thống chính trị trên quan điểm vừa đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, vừa có cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp lý, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân có đất bị thu hồi. Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các dự án trọng điểm tỉnh; qua đó phát huy

1. Nếu tính cả 2 khu công nghiệp Kim Động và Thổ Hoàng chưa đi vào hoạt động thì tỷ lệ lấp đầy là 59,5%.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên (cũ) ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 08/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

hiệu quả rất tích cực; tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc trong triển khai các công trình dự án đầu tư trọng điểm của tỉnh, của quốc gia trên địa bàn tỉnh, nhất là giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hưng Yên đã giải phóng mặt bằng 10.702,24ha phục vụ triển khai các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ hiện đại, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ, đạo đức đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của tỉnh.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đóng góp tích cực trong giải quyết những vấn đề quan trọng, tạo nền tảng để tỉnh phát triển nhanh, bền vững. Năng lực, trình độ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số của tỉnh được nâng lên đã thực sự tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống xã hội, phương thức và cách thức quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, giao tiếp, tương tác, theo đó năng lực và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, quản trị nền kinh tế được nâng cao, góp phần quan trọng thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động (tăng bình quân 10,45%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025), tăng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP, nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân, xây dựng xã hội hiện đại, văn minh. Phát triển, ứng dụng khoa học,

công nghệ, chuyển đổi số đã lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, ứng dụng trong sinh hoạt hằng ngày của người dân, xây dựng nông thôn mới, sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, thông tin, truyền thông,...

Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), chỉ số chuyển đổi số (DTI) được cải thiện đáng kể¹. Số lượng doanh nghiệp khoa học, công nghệ, các tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, sàn giao dịch công nghệ và thiết bị điện tử ngày càng tăng.

Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là đổi mới, hiện đại hóa quản trị và công nghệ, áp dụng các quy trình, phương pháp sản xuất thông minh, nâng cao năng suất lao động.

Chuyển đổi số là ưu tiên hàng đầu, được chỉ đạo triển khai quyết liệt và đạt kết quả quan trọng bước đầu trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số³. Tổ chức

1. Năm 2024, tỉnh Hưng Yên (cũ) đứng vị trí 14/63 (PII) và 31/63 (DTI); tỉnh Thái Bình đứng thứ 23/63 (PII) và 52/63 (DTI) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước.

2. Hiện tại có 15 doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ; 32 tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ; 20 phòng thí nghiệm, thử nghiệm; 3 sàn giao dịch công nghệ và thiết bị điện tử.

3. Tỉnh Hưng Yên (cũ): Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP là 9,26%; tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ khoảng 5,3%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt khoảng 26,2%. Tỉnh Thái Bình: Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP ước đạt 6,7%.

triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quy định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030¹; Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030².

Tỉnh Hưng Yên luôn chủ động, tích cực và đạt được kết quả cao trong thực hiện chuyển đổi số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến (đạt 100%) và ứng dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia ngày càng hiệu quả và toàn diện³.

1. Phê duyệt theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phê duyệt theo Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được định danh, xác thực điện tử hoặc xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính nhà nước được đẩy mạnh, trọng tâm là số hóa dữ liệu, đầu tư, xây dựng nền tảng số, hệ thống phần mềm dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành; bảo đảm hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, xã được kết nối thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tập trung mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, hoàn thiện nền tảng để xây dựng và phát triển chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số gắn với tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cắt giảm giấy tờ, thủ tục và thời gian xử lý văn bản¹.

Hạ tầng kỹ thuật viễn thông phát triển rộng khắp. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh với tất cả các điểm kết nối từ tỉnh đến cấp xã hoạt động ổn định, thông suốt. Cổng Dịch vụ công và Một cửa điện tử tỉnh đã kết nối, chia sẻ tới các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

Tăng cường đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, trọng tâm là cơ sở dữ liệu; trang thiết bị công nghệ, máy tính, thiết bị đầu, cuối; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; đường truyền dữ liệu; đào tạo, bồi dưỡng,

1. Năm 2025, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đạt gần 100% (trừ văn bản mật); tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ văn bản điện tử ký số đạt 100%.

trang bị kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là tổ chức thực hiện tốt phong trào “Bình dân học vụ số” và các tổ công nghệ số cộng đồng. Các trung tâm phục vụ hành chính công được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và nâng cao chất lượng dịch vụ công, phục vụ người dân.

Tỉnh quan tâm bố trí nguồn lực và ban hành một số cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số¹. Chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ngày càng tăng; trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã chi gần 1.700 tỉ đồng², gấp 6,2 lần so với giai đoạn 2016 - 2020. Thị trường khoa học, công nghệ từng bước đi vào ổn định, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, ứng dụng công nghệ hiện đại. Ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học đã góp phần quan trọng tăng giá trị sản xuất trên 1ha của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; thúc đẩy người dân và doanh nghiệp chuyển đổi sang sản xuất, tiêu dùng ngày càng xanh, sạch, an toàn và bảo vệ môi trường.

Cán bộ, người lao động là yếu tố quyết định thực hiện thành công mục tiêu chiến lược phát triển, nhiệm vụ chính trị của địa phương, vì vậy, tỉnh Hưng Yên quan tâm đầu tư, phát triển, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực,

1. Tỉnh Thái Bình: Tỷ lệ chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo đạt 3,17%.

2. Hằng năm, tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số so với tổng chi thường xuyên của ngân sách địa phương là 1,43% (tỉnh Hưng Yên cũ) và 2,23% (tỉnh Thái Bình).

trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhất là đội ngũ lao động chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại¹. Nhiều cơ chế, chính sách được ban hành hỗ trợ, khuyến khích đào tạo, tuyển dụng cán bộ, lao động có trình độ tốt, như hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng giáo viên mầm non, phổ thông, bác sĩ, cán bộ khoa học, công nghệ; chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ học trên đại học; hỗ trợ đào tạo nghề... Công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ được đổi mới, thực hiện nền nếp, dân chủ, khoa học, khách quan, đúng quy định. Thực hiện tuyển dụng cán bộ chủ yếu qua thi tuyển; tăng cường luân chuyển cán bộ về địa phương để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ và tăng cường năng lực cán bộ ở cơ sở. Triển khai thực hiện hoàn thành chủ trương 100% bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương; thí điểm thực hiện thành công bí thư cấp ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không là người địa phương² đã phát huy hiệu quả tốt. Năng lực, trình độ đào tạo của các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên

1. Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức: Tiến sĩ: 24 người, chiếm 0,24%; thạc sĩ: 1.084 người, chiếm 10,87%; đại học: 8.835 người, chiếm 88,57% và cao đẳng, trung cấp: 32 người, chiếm 0,32%.

2. Tỉnh Thái Bình: Tỷ lệ bí thư đảng ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã không là người địa phương đạt lần lượt 14% và 3,3% (đến ngày 30/6/2025). Nghị quyết số 39-NQ/TU, ngày 30/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên (cũ) thí điểm đến năm 2025 có 30% bí thư cấp xã và 10% chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không là người địa phương. Đến ngày 30/6/2025, tỷ lệ bí thư đảng ủy xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã không là người địa phương vượt mục tiêu, đạt lần lượt 40,4% và 19,9%.

địa bàn tỉnh được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường và các doanh nghiệp, dự án đầu tư. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 68% (năm 2020) lên 80% (năm 2025), trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 21,3% (năm 2020) lên 27,2% (năm 2025); số lao động có việc làm đạt tỷ lệ cao, chiếm 98,4% lao động trong độ tuổi; tỷ trọng lao động có xu hướng chuyển dịch tích cực sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ¹.

1.8. Tài nguyên, đất đai được quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả hơn; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường; ô nhiễm môi trường từng bước được xử lý

Quy hoạch, quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, nhất là đất đai, nước và cát, vật liệu xây dựng. Hoàn thành phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp huyện. Triển khai xử lý quyết liệt các vi phạm về đất đai, xây dựng, nhất là vi phạm quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi trái phép mục đích sử dụng đất, sử dụng đất đai lãng phí, xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp, vi phạm hành lang an toàn giao thông, hành lang bảo vệ đê điều, công trình thủy lợi². Các khu công nghiệp,

1. Tỷ trọng lao động có việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 27,9% xuống 18,3%.

2. Tỉnh Hưng Yên (cũ) đã xử lý, giải tỏa đạt 96,7% số công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, hành lang an toàn giao thông, hành lang bảo vệ đê điều và công trình thủy lợi với tổng diện tích 26.879m² (đạt 60%).

cụm công nghiệp đi vào hoạt động đều có công trình xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn môi trường; 100% chất thải ở đô thị được xử lý an toàn. Duy trì ổn định hệ thống thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt; tăng cường đầu tư hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt ở đô thị và nông thôn. Quy hoạch và triển khai các dự án xử lý rác thải sinh hoạt tập trung. Quản lý chặt chẽ các nguồn phát thải; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhất là tình trạng gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề. Tăng cường các biện pháp bảo vệ các hệ sinh thái ven biển, ven sông, đất ngập nước, rừng ngập mặn, đa dạng sinh học và khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên. Hệ thống đê điều, công trình thủy lợi thường xuyên được đầu tư cải tạo, gia cố, khắc phục kịp thời các điểm sạt lở, xung yếu và bảo đảm an toàn.

2. Phát triển văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo và con người đạt nhiều kết quả quan trọng; an sinh xã hội được chú trọng; đời sống nhân dân được nâng cao

Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được quan tâm phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, giải trí của nhân dân. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là ở cơ sở được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả. Là địa phương có nhiều di tích lịch sử, di sản

văn hóa¹, các cấp ủy đảng, chính quyền luôn quan tâm đến công tác bảo tồn, tôn tạo, phục dựng, bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa² trở thành các điểm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, điểm đến du lịch; giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử, yêu nước, cách mạng và khơi dậy lòng tự hào của quê hương, trở thành nguồn lực, động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển với nhiều công trình, tác phẩm có ý nghĩa, ca ngợi công cuộc đổi mới và phát triển của đất nước và địa phương, cuộc sống lao động, học tập, chiến đấu,... Trong giai đoạn 2021 - 2025, có 1.246 công trình, tác phẩm, sáng tác văn hóa, văn học, nghệ thuật đoạt giải trong các cuộc thi, gồm 813 giải cấp tỉnh, 391 giải cấp quốc gia, 42 giải cấp quốc tế.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và triển khai xây dựng khu dân cư, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị văn hóa và gia đình văn hóa, tiến bộ, hạnh phúc được đẩy mạnh. Nhiều sự kiện văn hóa quy mô lớn mang tầm

1. Có 3.562 di tích lịch sử, di sản văn hóa, trong đó đã được xếp hạng cấp quốc gia: 284; cấp quốc gia đặc biệt: 6; cấp tỉnh: 885. Năm 2024, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã vinh danh Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là Danh nhân văn hóa thế giới. Đã đệ trình lên UNESCO xem xét hồ sơ khoa học vinh danh “Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn”; đang hoàn thiện hồ sơ trình UNESCO ghi danh “Nghệ thuật Chèo” vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

2. Trong giai đoạn 2021 - 2025, đã thực hiện phục dựng, tôn tạo, trùng tu, sửa chữa 495 công trình, di sản văn hóa với tổng số tiền 1.335 tỉ đồng.

quốc gia, quốc tế được tổ chức thành công, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, nâng cao hình ảnh, vị thế của tỉnh đối với bạn bè trong nước và quốc tế.

Chất lượng quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản được nâng lên; kịp thời cung cấp thông tin chính thống giúp định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận trong xã hội; hoạt động thông tin đối ngoại được đẩy mạnh, góp phần quảng bá hình ảnh, thế mạnh của tỉnh. Dịch vụ internet, hạ tầng viễn thông không ngừng được mở rộng. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G cao hơn mức trung bình của cả nước, đạt 100% xã, phường, 5G đạt khoảng 10% dân số.

Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt nhiều tiến bộ; quản lý nhà nước về y tế được tăng cường; tập trung nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở các tuyến; tiếp cận nhiều kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại, trình độ cao của khu vực và thế giới. Công tác khám, chữa bệnh theo y học cổ truyền được phát huy. Công tác y tế dự phòng ngày càng chủ động; phòng, chống, đẩy lùi thành công và hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia và số bác sĩ/10.000 dân tăng¹; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt khá, với 91,5%. Duy trì tốc độ gia tăng dân số dưới 1%.

Giáo dục, đào tạo tiếp tục được đổi mới căn bản, toàn diện; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao²;

1. Số bác sĩ/10.000 dân tăng từ 10,1 (năm 2020) lên 11 (năm 2025).

2. Tỉnh Thái Bình duy trì trong nhóm địa phương dẫn đầu cả nước.

phương pháp dạy và học ở bậc phổ thông ngày càng hướng tới phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, lấy người học làm trung tâm, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội, đồng thời coi trọng chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, phát hiện, bồi dưỡng các tài năng của tỉnh. Học sinh phát triển về thể chất, trí tuệ, năng lực, năng khiếu, phẩm chất đạo đức; trình độ dân trí, chất lượng, trình độ của lực lượng lao động được nâng cao. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tại các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, toàn tỉnh có 13.547 giải cấp tỉnh, 440 giải cấp quốc gia và 1 giải cấp quốc tế.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu người học và nhu cầu sử dụng lao động của thị trường; nâng cao năng lực đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực với các kỹ năng, trình độ chuyên môn trong điều kiện chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo công lập được sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đồng thời sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, giáo viên; khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập thành lập và hoạt động để đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được quan tâm phát triển thông qua tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng các tiêu chuẩn giáo viên ở các cấp học, bậc học; từng bước xử lý thừa, thiếu cục bộ đội ngũ giáo viên do yếu tố cơ cấu và thực hiện chuẩn mới về chương trình giáo dục, đào tạo và giáo viên. Cơ sở vật chất, trường,

lớp học, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua sắm, hiện đại hóa gắn với thực hiện trường chuẩn quốc gia¹. Hầu hết các trường học, lớp học đều được xây dựng kiên cố². Tỉnh bảo đảm kinh phí cho giáo dục và đào tạo (bình quân chiếm 20% chi ngân sách địa phương); đồng thời khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư mở các cơ sở giáo dục ngoài công lập³.

Phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập được triển khai rộng rãi cùng với nhiều mô hình hiệu quả trong xã hội, dòng họ, gia đình, cộng đồng và các tổ chức hội. Huy động nguồn lực lớn của Nhà nước và xã hội cho đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo. Tiếp tục coi nguồn lực con người là then chốt, động lực to lớn cho sự phát triển. Các chủ trương, chính sách phát triển toàn diện con người Hưng Yên ngày càng đồng bộ, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Chỉ số phát triển con người (HDI), tầm vóc, thể lực người dân từng bước được nâng cao⁴. Tuổi thọ trung bình và nhiều

1. Đến tháng 8/2025: Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia: 88%; mầm non: 85%; tiểu học: 97%; trung học cơ sở: 95%; trường tiểu học và trung học cơ sở: 89%; trung học phổ thông: 66%.

2. Đến tháng 8/2025: Mầm non: 95,9%; tiểu học: 95,78%; trung học cơ sở: 97,22%; trung học phổ thông: 88,96%.

3. Đến tháng 8/2025: Mầm non: 49 trường; tiểu học: 9 trường; trung học cơ sở: 8 trường; trung học phổ thông: 27 trường ngoài công lập.

4. Chỉ số HDI tăng từ mức 0,724 năm 2020 lên 0,764 năm 2025.

chỉ số sức khỏe cao hơn so với bình quân cả nước¹. Phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe trong nhân dân được mở rộng về từng khu dân cư, cộng đồng ở cơ sở; phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được đẩy mạnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên được quan tâm và đạt nhiều thành tích cao. Trong giai đoạn 2021 - 2025, nhiều tập thể, cá nhân của tỉnh Hưng Yên tham gia thi đấu và đạt nhiều giải thưởng thể thao, gồm 5.070 giải cấp tỉnh, 1.462 giải cấp quốc gia và 40 giải cấp quốc tế.

Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm có nhiều bước đổi mới và phát triển. Thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện²; tạo nhiều việc làm mới, thu nhập ổn định nhờ chuyển dịch lao động, việc làm sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ cùng với quá trình đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và thu hút nhiều doanh nghiệp, dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhanh, từ 1,83% (năm 2020) xuống 1,3% (năm 2025). Tỉnh có nhiều chính sách vượt trội về công tác an sinh xã hội, chăm lo gia đình chính sách, người có công với cách mạng, các đối tượng cao tuổi, hộ sản xuất nông nghiệp, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế trong xã hội,

1. Tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 74,8 tuổi (năm 2020) lên 76 tuổi (năm 2025).

2. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 4.137 nghìn đồng/tháng (năm 2020) lên 6.375,3 nghìn đồng/tháng (năm 2025), tăng 54,1%.

như: nâng mức trợ cấp và mở rộng đối tượng trợ cấp xã hội hằng tháng; nâng mức hỗ trợ mua bảo hiểm y tế. Chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và ở mức thấp hơn mức bình quân cả nước¹. Phong trào “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” được thực hiện quyết liệt, hoàn thành kế hoạch trước thời hạn đề ra². Công tác hỗ trợ người dân, người lao động và doanh nghiệp trong và sau đại dịch Covid-19 hoặc do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh được triển khai kịp thời, tích cực, đúng quy định.

3. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế được mở rộng, đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo môi trường ổn định và điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội

Triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Quân khu 3 về các nhiệm vụ, giải pháp quân sự, quốc phòng địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân

1. Đến cuối năm 2025, ước tính tỉnh Hưng Yên giảm xuống còn 0,9%, trong đó tỉnh Hưng Yên (cũ) giảm còn 0,35%; tỉnh Thái Bình (cũ) giảm còn 1,62%.

2. Toàn tỉnh hỗ trợ 4.374 hộ gia đình xây mới, sửa chữa nhà ở.

vững chắc. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; quy hoạch tổng thể quốc phòng với phát triển kinh tế, xã hội trong quy hoạch tỉnh; quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả đất và các công trình quốc phòng, an ninh. Tỉnh quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư hoàn thiện các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện. Thực hiện tốt chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của lực lượng quân đội khi sắp xếp hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình; sắp xếp, kiện toàn Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã. Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; tổ chức thành công các cuộc diễn tập phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện, diễn tập quốc phòng, an ninh các cơ quan, đơn vị; diễn tập khu vực phòng thủ dân sự; diễn tập tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ rộng khắp; bảo đảm đủ quân số. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hằng năm được giao với chất lượng được nâng lên; công tác tuyển sinh quân sự có chuyển biến rõ rệt. Duy trì nghiêm chế độ nắm địa bàn, trực sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đồng bộ công tác quốc phòng; quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở khu biên giới biển. Thực hiện tốt chính sách quân đội và chính sách hậu phương quân đội. Lực lượng vũ trang tỉnh luôn tích cực, chủ động huy động lực lượng tham gia

hỗ trợ, giúp nhân dân phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và khắc phục hậu quả, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất¹.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được tăng cường. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị với vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Ứng phó có hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống; thực hiện tốt các nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu dân cư trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phục vụ chuyển đổi số, tạo môi trường ổn định, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chủ động nắm tình hình, đấu tranh phòng, chống tội phạm, kịp thời phát hiện, nhận diện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và vấn đề phức tạp ngay từ cơ sở. Triển khai thành công các kế hoạch, phương án bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế đến thăm, làm việc và các sự kiện quan trọng của tỉnh. Chủ động thực hiện các giải pháp

1. Huy động lực lượng lớn, với hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, lực lượng thường trực và dân quân tự vệ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và cơn bão Yagi (cơn bão số 3, năm 2024).

bảo đảm an ninh quốc gia, quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và đấu tranh phòng, chống tội phạm; đạt và vượt nhiều chỉ tiêu được giao về đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy, cờ bạc, tín dụng đen, tội phạm công nghệ cao. Kiện toàn tổ chức bộ máy công an cấp tỉnh, cấp xã phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Tỉnh Hưng Yên tích cực, chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao nhân dân, góp phần quan trọng hỗ trợ thúc đẩy thương mại, đầu tư, lao động, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, huy động nguồn vốn đầu tư nước ngoài và phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Hoạt động đối ngoại của tỉnh được triển khai đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả trên cơ sở bám sát chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, đại sứ quán, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức nhiều diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư, kết nối đầu tư, kinh doanh giữa doanh nghiệp của tỉnh với doanh nghiệp nước ngoài; phối hợp với các đại sứ quán, cơ quan đại diện, các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội các nhà đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam tổ chức các sự kiện ngoại giao, văn hóa¹ gắn với xúc tiến thương mại,

1. Các sự kiện nổi bật như tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản; “Kết nối Thái Lan - 2024”, “Kết nối Thái Lan - 2025”.

đầu tư, quảng bá hình ảnh, môi trường kinh doanh của tỉnh. Tỉnh đã ký kết nhiều văn kiện hợp tác, hữu nghị quốc tế với các cơ quan, tổ chức nước ngoài¹. Hưng Yên đang nổi lên là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài; hằng năm có nhiều đoàn khách quốc tế, các đối tác, nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh. Bên cạnh các đối tác truyền thống ở châu Á, nhất là Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, tỉnh mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế với các đối tác ở châu Mỹ, châu Âu.

1. Ký kết nhiều văn kiện hợp tác, hữu nghị với cấp ủy, chính quyền địa phương và các tập đoàn kinh tế (Tỉnh ủy tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc; chính quyền tỉnh Kanagawa, Nhật Bản; chính quyền tỉnh Minsk, Bêlarút; chính quyền thành phố Deajeon, Hàn Quốc; chính quyền thành phố Hạ Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; Cộng hòa tự trị Karakalpakstan thuộc Cộng hòa Udobêkixtan; chính quyền thành phố Yeongju, tỉnh Gyeongsangbuk, Hàn Quốc; chính quyền tỉnh Xay Nhạ Bu Ly, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; chính quyền thành phố Incheon, tỉnh Gyeonggi; chính quyền quận Hongcheon, tỉnh Gangwon; chính quyền thành phố Goheung, tỉnh Jeollanam, Hàn Quốc; Tập đoàn Sumitomo, Nhật Bản; Tập đoàn Land Housing, Hàn Quốc; Tập đoàn Nexen, Hàn Quốc; Quỹ Đầu tư Truth Assets Management, Xingapo; Tập đoàn Hatten Land Ltd, Xingapo; Tập đoàn Fission, Xingapo, Tập đoàn Livingstone Health, Xingapo...

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ
tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (gọi tắt là Nghị quyết Đại hội), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội bằng những nhiệm vụ, chương trình, đề án; phân công rõ cơ quan, tổ chức chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp; xác định rõ thời hạn, lộ trình hoàn thành; rõ sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Chương trình hành động và các nhiệm vụ, chương trình, đề án. Kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động, đồng thời phê bình những tập thể,

cá nhân thiếu gương mẫu, thực hiện không nghiêm túc, đạt kết quả thấp, có hạn chế, khuyết điểm.

2. Chương trình hành động thể hiện quyết tâm chính trị cao ngay từ những ngày diễn ra Đại hội, tạo khí thế thi đua, phấn khởi, đoàn kết, thống nhất, phát huy trí tuệ trong toàn Đảng, sự đồng thuận xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội. Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu.

3. Chương trình hành động phải bám sát những quan điểm, chủ trương, định hướng lớn tại Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng và các chủ trương, quyết sách mang tính đột phá chiến lược của Trung ương, Bộ Chính trị.

4. Căn cứ Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động này, các cấp ủy, tổ chức đảng chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị, đồng thời gắn với thực hiện nghị quyết đại hội Đảng cấp mình; bảo đảm thực chất, hiệu quả, quyết tâm cao, nỗ lực lớn.

II- NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1.1. Tập trung lãnh đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, chương trình, đề án tại Chương trình hành động; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức chủ trì tham mưu

xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thông qua các chương trình, đề án theo Phụ lục đính kèm Chương trình hành động. *(Hoàn thành trong quý II/2026)*

1.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình hành động. *(Hoàn thành tháng 10/2025)*

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

2.1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị toàn tỉnh nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động tới các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên trong tỉnh. *(Hoàn thành tháng 11/2025)*

2.2. Chủ trì, hướng dẫn, định hướng các cơ quan truyền thông tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động; kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội; những gương điển hình, cách làm sáng tạo, mô hình hiệu quả; phản ánh kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. *(Thực hiện thường xuyên)*

2.3. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cho cán bộ, đảng viên tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh và các trung tâm chính trị trên địa bàn tỉnh. *(Hoàn thành tháng 12/2025)*

2.4. Tham mưu với Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy chủ động nắm chắc dư luận xã hội, dự báo đúng tình hình để kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những

vấn đề bức xúc, nhạy cảm, phát sinh trên các lĩnh vực; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cấp. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; nâng cao sức đề kháng của đảng viên đối với thông tin xấu, độc. *(Thực hiện thường xuyên)*

2.5. Tiếp tục tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo chuyên đề toàn khóa và chuyên đề hằng năm. *(Thực hiện thường xuyên)*

2.6. Chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường công tác dân vận chính quyền; nâng cao chất lượng dân vận chính quyền trở thành ý thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong hệ thống chính quyền, góp phần củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. *(Thực hiện thường xuyên)*

2.7. Đánh giá, nhân rộng các mô hình Dân vận khéo “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp”; “Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ”; “Dân vận khéo 1+10”... *(Hoàn thành tháng 11/2025)*

2.8. Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội và sự hài lòng của

người dân; nâng cao năng lực phân tích, dự báo, nắm bắt và xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội. *(Thực hiện thường xuyên)*

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

3.1. Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo kiện toàn tổ chức, cán bộ của hệ thống chính trị sau sắp xếp; tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với phân cấp, phân quyền cho địa phương, cơ sở về công tác tổ chức xây dựng Đảng. *(Thực hiện thường xuyên)*

3.2. Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, đánh giá, sắp xếp, sử dụng cán bộ; đẩy mạnh luân chuyển cán bộ giữa các cấp, các ngành. *(Thực hiện thường xuyên)*

3.3. Rà soát thực trạng đội ngũ cán bộ ở các xã, phường để đề xuất kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời tham mưu hỗ trợ điều kiện làm việc phù hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, trách nhiệm của cán bộ cấp xã trong thực thi nhiệm vụ. *(Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy quý I/2026)*

3.4. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạch định, ban hành chủ trương, chính sách, cụ thể hóa nghị quyết của các cấp ủy đảng; tăng cường năng lực của các cơ quan tham mưu của cấp ủy đảng; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng. *(Thực hiện thường xuyên)*

3.5. Đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng, đảng viên, nhất là đảng viên là chủ doanh nghiệp, người quản lý, điều hành trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân và địa bàn dân cư. *(Thực hiện thường xuyên)*

3.6. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của cấp ủy, tổ chức đảng; nhân rộng mô hình “Chi bộ 4 tốt”, “Đảng bộ cơ sở 4 tốt”. *(Thực hiện thường xuyên)*

3.7. Chỉ đạo tăng cường quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. *(Thực hiện thường xuyên)*

3.8. Rà soát, hoàn thiện khung năng lực, vị trí việc làm. *(Thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương)*

3.9. Tham mưu thực hiện công tác quy hoạch cán bộ các nhiệm kỳ 2025 - 2030; 2026 - 2031; 2030 - 2035; 2031 - 2036; công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chính sách đối ngoại với cán bộ. *(Thực hiện thường xuyên)*

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

4.1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng, triển khai đồng bộ chương trình kiểm tra, giám sát từng năm và toàn khóa phù hợp với nội dung Nghị quyết Đại hội; tập trung vào những vấn đề lớn, quan trọng, những vấn đề cần tháo gỡ trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. *(Thực hiện hằng năm)*

4.2. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng với hoạt động thanh tra, kiểm toán,

kiểm tra, giám sát, điều tra của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan bảo vệ pháp luật, các ban, ngành; phối hợp với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát. *(Thực hiện thường xuyên)*

4.3. Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất, phát hiện, ngăn ngừa, xử lý kịp thời những sai phạm của tổ chức và đảng viên. *(Thực hiện thường xuyên)*

4.4. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ kiểm tra, nhất là ở cơ sở. *(Thực hiện thường xuyên)*

4.5. Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, cơ quan, tổ chức thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động. *(Thực hiện thường xuyên)*

5. Ban Nội chính Tỉnh ủy

5.1. Chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh) phổ biến, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Trung ương; kết luận các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. *(Thực hiện thường xuyên)*

5.2. Tiếp nhận, xử lý đơn, thư, thông tin, phản ánh liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, suy thoái về

tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện cơ chế, biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. *(Thực hiện thường xuyên)*

5.3. Chủ trì, phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh việc lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm và một số vụ việc, vụ án theo Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc và Hướng dẫn số 04-HD/TW, ngày 09/12/2020 của Ban Bí thư về thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị; đề xuất biện pháp giáo dục, phòng ngừa và xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và cơ quan, tổ chức các cấp. *(Thực hiện thường xuyên)*

5.4. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo trong Đảng, những bức xúc, nổi cộm trong nhân dân, những nơi có đơn, thư khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp, kéo dài; kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, xem xét, giải quyết. *(Thực hiện thường xuyên)*

5.5. Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tư pháp và các nhiệm vụ có liên quan, trọng tâm là Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Gắn việc thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp... trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Gắn việc thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp với việc tổ chức thực hiện nghiêm Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và Quy định số 183-QĐ/TW, ngày 18/9/2024 của Bộ Chính trị về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. *(Thực hiện thường xuyên)*

6. Văn phòng Tỉnh ủy

6.1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp ủy đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy đảng từ tỉnh tới cơ sở. *(Thực hiện thường xuyên)*

6.2. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của các cơ quan Đảng; xây dựng cơ sở dữ liệu của các cơ quan Đảng kết nối liên thông, chia sẻ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan. *(Thực hiện thường xuyên)*

7. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

7.1. Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động thực hiện có hiệu quả phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; vận động xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” và triển khai các chương trình an sinh xã hội, vận động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, sinh kế lập nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo. *(Thực hiện thường xuyên)*

7.2. Chủ trì hiệp thương, phối hợp với các tổ chức thành viên ở mỗi xã, phường, cơ quan, đơn vị nhận giúp đỡ các hộ gia đình thoát nghèo theo địa chỉ, số lượng cụ thể từng năm. Hằng năm, tổ chức tốt “Tháng cao điểm vì người nghèo”, xây dựng và sử dụng có hiệu quả Quỹ “Vì người nghèo” các cấp... góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. *(Thực hiện thường xuyên và trọng tâm vào tháng 10 hằng năm)*

7.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thường xuyên quán triệt, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, cấp ủy các cấp tới đội ngũ cán bộ làm công tác mặt trận, các tổ chức thành viên và các tầng lớp nhân dân. *(Thực hiện thường xuyên)*

7.4. Xây dựng chương trình, nội dung giám sát, phản biện xã hội, tập trung vào những vấn đề bức xúc, nổi cộm, nhân dân và dư luận xã hội quan tâm. *(Thực hiện hằng năm)*

7.5. Xây dựng Chương trình phối hợp với các cấp ủy đảng, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành trong công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tham gia triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. *(Hoàn thành trong quý II/2026)*

7.6. Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. *(Thực hiện trong quý IV/2025 và quý I/2026)*

7.7. Thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp tổ chức tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp với cử tri; tổng hợp đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của cử tri, theo dõi, giám sát việc giải quyết các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của cử tri và nhân dân. *(Thực hiện hằng năm)*

7.8. Vận động nhân dân chủ động, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tham gia giám sát thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tiếp công dân, tham gia giải quyết và giám sát các cơ quan chính quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. *(Thực hiện thường xuyên)*

7.9. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. *(Thực hiện thường xuyên)*

7.10. Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội phát triển đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân và địa bàn dân cư. *(Thực hiện thường xuyên)*

7.11. Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội đoàn thể tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở. *(Thực hiện thường xuyên)*

8. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh

8.1. Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, bảo đảm chất lượng nội dung và thời gian quy định. *(Thực hiện thường xuyên)*

8.2. Tham mưu, phối hợp và lãnh đạo thực hiện tốt Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư

về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. *(Thực hiện thường xuyên)*

9. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

9.1. Chỉ đạo tăng cường giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, giám sát theo chuyên đề, tổ chức kỳ họp theo chuyên đề tập trung vào những nội dung trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra; trong đó, quan tâm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách đầu tư, quy hoạch, đất đai, tài chính, ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội. *(Thực hiện thường xuyên)*

9.2. Chủ động tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. *(Tháng 11/2025 - tháng 3/2026).*

9.3. Tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa các cấp trong tỉnh; phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương, cơ sở gắn với tăng cường giám sát tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực của các cấp chính quyền. *(Thực hiện thường xuyên)*

10. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

10.1. Xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân phục vụ; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.2. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, hiệu lực, hiệu quả, sát dân, gần dân, phục vụ nhân dân tốt hơn gắn với sắp xếp, bố trí, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.3. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch chiến lược và xây dựng hệ thống quản lý, quản trị phát triển hiện đại; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở phát triển. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, minh bạch dựa trên nền tảng chính quyền số. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, quản lý, lề lối làm việc khoa học, hiệu quả; nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.5. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả các trí thức trẻ, cán bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật và người có trình độ chuyên môn cao; khuyến khích, hỗ trợ cán bộ tham gia đào tạo chuyên sâu, đào tạo sau đại học. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.6. Tăng cường cán bộ có năng lực cho các lĩnh vực, địa bàn khó khăn, phức tạp, nhất là ở xã, phường. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.7. Triển khai các chủ trương, biện pháp khuyến khích, bảo vệ cán bộ “Dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.8. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. *(Thực hiện thường xuyên)*

- Cơ cấu lại toàn diện và phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát huy các tiềm năng, thế mạnh để đưa Hưng Yên trở thành một trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng.

Tập trung thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, nền tảng; các ngành sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn; công nghiệp công nghệ số, tự động; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp đóng tàu; công nghiệp ô tô; công nghiệp dược, thiết bị y tế; công nghiệp năng lượng; công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Thu hút đầu tư có chọn lọc, hướng tới gia tăng giá trị sản phẩm công nghiệp, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp mới, các dự án nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

Tập trung xây dựng, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, nhất là các khu công nghiệp quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị/ dịch vụ và các khu công nghiệp hỗ trợ.

- Cơ cấu lại toàn diện, phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, công nghệ cao, quy mô lớn; phát triển kinh tế nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn cao hơn.

Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, chuyên canh, năng suất lớn, giá trị gia tăng cao. Phát triển đặc sản truyền thống và sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh của địa phương; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi, đánh bắt hải sản, nuôi trồng thủy sản. Phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp với trồng và bảo vệ rừng ngập mặn và khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, phát triển các ngành chế biến, hình thành chuỗi giá trị nông, thủy sản chất lượng cao, xuất khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kiểu mới. Phát triển đa dạng các sản phẩm OCOP. Tăng cường quản lý chất lượng nông, thủy sản ở mọi khâu theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản uy tín.

Phát triển kinh tế nông thôn sinh thái, kinh tế làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo chuẩn mới.

- Phát triển mạnh mẽ thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với đẩy nhanh đô thị hóa.

Phát triển rộng khắp hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở nông thôn; phát triển các hệ thống phân phối trên nền tảng số, thương mại điện tử. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, bán lẻ, phân phối hàng hóa, tài chính, ngân hàng, viễn thông, du lịch, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí.

Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, thể thao, hệ thống logistics, cảng biển, cảng sông, cảng cạn đồng bộ, hiện đại kết nối với hệ thống cảng trong khu vực đồng bằng sông Hồng. Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng.

Tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch đồng bộ, đa dạng; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng các khu du lịch trọng điểm, nhất là các cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, điểm đến du lịch, các di sản văn hóa, di tích quốc gia đặc biệt. Ưu tiên phát triển một số trung tâm thương mại, logistics, khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng lớn, quy mô vùng và quốc gia; xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn trong các khu vực đô thị.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại; phát triển

sản phẩm du lịch chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; tổ chức các sự kiện kinh tế, xã hội, thể thao, văn hóa, ngoại giao tầm quốc gia, quốc tế; mở rộng hợp tác, liên kết vùng, liên tỉnh trong phát triển tour, tuyến du lịch, nâng cao chất lượng và sức hút của sản phẩm du lịch tỉnh Hưng Yên trong chuỗi giá trị du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Rà soát, hoàn thiện đồng bộ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở; hình thành các khu vực đô thị trung tâm quy mô lớn, các khu đô thị vệ tinh, đô thị chức năng. Tập trung ưu tiên đầu tư, xây dựng đáp ứng trực tiếp các tiêu chí đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế đô thị; phát triển chuỗi các đô thị và có sự kết nối giữa các đô thị trung tâm, đô thị chức năng; phát triển các khu đô thị lớn, siêu lớn, sinh thái, thông minh, hiện đại, các mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD). Phát triển nhà ở xã hội, nhất là dành cho công nhân, người lao động; cải thiện điều kiện nhà ở khu vực nông thôn.

- Phát triển ngành năng lượng, phấn đấu sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng.

Xây dựng trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp; hình thành chuỗi khí, điện; hydrogen, nhà máy điện.

Ổn định nhiệt điện than; ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng địa nhiệt, hải lưu,...; khuyến khích đầu tư điện hạt nhân module nhỏ.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư và tiến độ triển khai Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình; các dự án sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện rác; hệ thống dự trữ năng lượng;...

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống truyền tải điện, các trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng.

- Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng biển, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng.

Tích cực, chủ động tham gia liên kết trong vành đai kinh tế ven biển duyên hải Bắc Bộ (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hưng Yên - Ninh Bình).

Chuyển đổi Khu kinh tế ven biển thành Khu kinh tế tự do, năng động đa ngành đối chuẩn quốc tế, trở thành động lực phát triển mới của tỉnh.

Phát triển không gian kinh tế hướng biển để làm giàu từ biển. Mở rộng quy mô Khu kinh tế tự do thông qua

lấn biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia; tạo quỹ đất cho các hoạt động chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến luồng hàng hải; quy hoạch, xây dựng sân bay, cảng biển nước sâu có năng lực tiếp nhận tàu tải trọng 200 nghìn tấn trở lên.

Quy hoạch, đầu tư hệ thống giao thông đa phương tiện, vận tải khối lượng lớn, tốc độ cao kết nối Khu kinh tế tự do với quốc lộ, cao tốc, với Thủ đô Hà Nội, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng, các trung tâm, tiểu vùng của tỉnh.

- Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế biển, năng lượng, công nghiệp.

Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ và tăng cường đầu tư hệ thống giao thông. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng các công trình giao thông trọng điểm kết nối đồng bộ giữa các khu vực trong tỉnh; kết nối với thành phố Hà Nội, các tỉnh lân cận; kết nối các khu công nghiệp, hệ thống cảng sông, cảng biển, bến thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, trung tâm logistics.

Quy hoạch, phát triển hệ thống cảng biển, cảng sông, cảng cạn, hệ thống cầu qua sông kết nối với địa phương giáp ranh, các bến xe công cộng, mạng lưới vận tải liên tỉnh và nội tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong tổng thể tổ chức

không gian kinh tế của tỉnh; phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, đáp ứng tiêu chuẩn của các nhà đầu tư toàn cầu và yêu cầu phát triển bền vững. Phát triển nhanh các cụm công nghiệp phục vụ các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa, các dự án nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

Hoàn thiện quy hoạch và đẩy mạnh đầu tư đồng bộ các hạ tầng thương mại, dịch vụ, đô thị, nhà ở, nông thôn mới; hạ tầng đề điều, thủy lợi, bảo vệ môi trường, cấp, thoát nước và phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo; hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, năng lượng, chiếu sáng, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình.

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tích hợp, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng nền tảng số, các ứng dụng số, công cụ và giải pháp công nghệ.

Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, trang bị kiến thức số cho mọi người dân, cán bộ, đảng viên; triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, công viên công nghệ, trung tâm dữ liệu lớn.

Phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, tài sản trí tuệ, tài sản mã hóa, tài sản số. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, kết nối với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia.

Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các đối tác quốc tế. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ chất lượng cao.

Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm là đặc sản của địa phương; triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, uy tín của sản phẩm, hàng hóa.

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế; tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo đột phá và không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính.

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đầu tư cho các khâu đột phá chiến lược, các ngành, lĩnh vực, địa bàn mang tính động lực phát triển. Phát huy vai trò của đầu tư công mở đường, lôi kéo, dẫn dắt đầu tư tư nhân;

tăng cường triển khai các phương thức đầu tư đối tác công tư, nhất là trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình.

Xây dựng hệ thống doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động lành mạnh, hiệu quả, trong đó có một số doanh nghiệp lớn, có năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị, công nghệ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết cơ cấu lại, xử lý doanh nghiệp nhà nước yếu kém, hoạt động kém hiệu quả.

Phát triển kinh tế tư nhân, nòng cốt là doanh nghiệp của tư nhân, động lực phát triển quan trọng nhất của tỉnh, nhất là đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân; tạo điều kiện cho các hoạt động khởi nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác và Liên minh Hợp tác xã. Phát triển các mô hình hợp tác xã chuyên ngành, mô hình hợp tác xã kiểu mới có năng lực quản trị, điều hành, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các hợp tác xã; giữa hợp tác xã với

doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị.

Khuyến khích kinh tế hộ gia đình và các làng nghề phát triển hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường.

Rà soát, hoàn thiện quy định, cơ chế, chính sách quản lý, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể được thành lập, hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững. Tạo điều kiện các hộ kinh doanh thành lập doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa thành doanh nghiệp lớn.

Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các doanh nghiệp, chủ thể sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật.

- Tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách địa phương theo hướng bền vững, hiệu quả hơn; đa dạng hóa nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản công.

Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách địa phương; mở rộng nguồn thu, cơ sở thu, thu từ thuế, phí; giảm dần tỷ trọng nguồn thu không bền vững, nhất là thu tiền sử dụng đất; bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách. Tăng cường triển khai các biện pháp chống thất thu.

Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước theo pháp luật; thực hiện tiết kiệm, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước.

Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công; bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún; tập trung vốn đầu tư công cho các công trình, dự án trọng điểm tạo sức lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các dự án liên kết vùng, các dự án đầu tư hạ tầng chiến lược lớn.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chuẩn bị dự án đầu tư; lựa chọn nhà thầu có năng lực tốt; đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư công; thanh, quyết toán vốn đầu tư, bàn giao, đưa công trình hoàn thành vào sử dụng và kết thúc dự án; không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản; kiên quyết xử lý các dự án đầu tư công chậm tiến độ, dở dang kéo dài.

Rà soát, thống kê, sắp xếp và xử lý hiệu quả các tài sản công, nhất là cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc, đất công sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định giá cả hàng hóa.

Đẩy mạnh phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh lành mạnh. Phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh an toàn, hiệu quả. Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, hiệu quả; đưa Hưng Yên trở thành thị trường bất động sản lớn của khu vực.

Phát triển thị trường lao động, các dịch vụ lao động, việc làm, trung tâm giới thiệu việc làm.

Từng bước phát triển thị trường khoa học, công nghệ, sàn giao dịch các sản phẩm khoa học, công nghệ.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với các thị trường; bảo đảm cân đối cung, cầu và ổn định giá cả hàng hóa theo cơ chế thị trường, cạnh tranh lành mạnh; phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật, đầu cơ, thao túng, lũng đoạn thị trường.

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện.

Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo. Phấn đấu đưa giáo dục phổ thông của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Tăng cường giáo dục toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, phát huy năng khiếu, sở trường của học sinh; nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, giáo dục; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, bảo đảm công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời. Xây dựng văn hóa học đường lành mạnh.

Xây dựng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của địa phương. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cao cho người lao động, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số. Thực hiện hỗ trợ đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao, nhất là ngành nghề kỹ thuật, công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

Tăng cường đầu tư xây dựng, kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học, nhất là các trường chuyên, trường năng khiếu; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn. Ưu tiên dành quỹ đất, trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục.

Bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kiên quyết xử lý dứt điểm các “điểm nóng” ô nhiễm môi trường.

Tổng rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý dứt điểm các vi phạm về đất đai, xây dựng và các dự án đầu tư có sử dụng đất không triển khai, chậm tiến độ, gây lãng phí tài nguyên, nguồn lực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường. Đến năm 2030, hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường hiện đại.

Tăng cường công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư; tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người dân có đất bị thu hồi.

Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng hiệu quả các mỏ cát, đất, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Rà soát quy hoạch, sắp xếp và đầu tư xây dựng hệ thống khai thác, sản xuất, cung cấp, phân phối nước sạch cạnh tranh, dễ tiếp cận và chi phí hợp lý.

Tăng cường đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn. Xây dựng các khu xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt quy mô lớn với công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng và tái chế chất thải. Rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các nguồn phát thải, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các làng nghề, cụm công nghiệp, các bãi rác tồn đọng, điểm tập kết rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường trên hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Tiếp tục đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động.

Nâng cao năng lực và chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường đầu tư, cải tạo, nâng cao hệ thống đê sông, đê biển và hệ thống thủy lợi; bảo đảm các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng các tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng công viên vĩnh hằng, đài hóa thân hiện đại, sinh thái; tổ chức các dịch vụ mai táng văn minh, thân thiện với môi trường.

10.9. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Hưng Yên; quản lý xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. *(Thực hiện thường xuyên)*

- Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hưng Yên toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ; lấy con người làm trung tâm trong chính sách phát triển.

Chú trọng phát triển văn hóa chính trị, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân.

Bảo tồn, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, mang đậm bản sắc của Hưng Yên; bảo tồn, phát triển các bộ môn nghệ thuật truyền thống. Phát triển công nghiệp văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, giải trí; quy hoạch không gian thể thao, văn hóa sáng tạo, phát triển nghệ thuật. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các địa phương, đối tượng.

Hình thành một số trung tâm thể thao, tổ hợp thể thao quy mô lớn, tầm quốc gia. Khuyến khích phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thể thao chuyên nghiệp và thể thao thành tích cao. Đổi mới cơ chế quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống an sinh xã hội đồng bộ, tiến bộ, công bằng, bền vững.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công; giảm nghèo bền vững. Phát triển và quản lý hiệu quả hệ thống bảo hiểm, tín dụng chính sách; tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động, hạn chế và khắc phục rủi ro xã hội cho mọi người dân, nhất là nhóm đối tượng yếu thế. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, linh hoạt; khuyến khích hình thành các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.

- Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân; Cơ cấu lại mạng lưới y tế, nâng cao năng lực bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến khu vực, y tế cơ sở và y tế dự phòng; Bảo đảm mọi người dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng; Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, chủ động thích ứng với xu hướng già hóa dân số; Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành y tế, xây dựng cơ sở dữ liệu y tế và hồ sơ sức khỏe người dân thống nhất; Đầu tư có trọng điểm vào các bệnh viện và trung tâm y tế chất lượng cao, phát triển kỹ thuật chuyên sâu, khuyến khích xã hội hóa và đầu tư tư nhân vào lĩnh vực y tế; Đổi mới cơ chế quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức và nhân viên y tế chất lượng cao, tăng cường nguồn lực y tế tại tuyến cơ sở; Củng cố hệ thống y tế dự phòng, nâng cao hiệu quả kiểm soát an toàn thực phẩm; Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng số, hệ thống viễn thông, thông tin và truyền thông.

Chú trọng quản lý và giám sát thông tin mạng xã hội, chủ động đấu tranh, phản bác và đẩy lùi các thông tin xấu, độc, góp phần bảo vệ môi trường mạng an toàn, lành mạnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin chính thống và tích cực của người dân, hình thành văn hóa số trong cộng đồng. Xây dựng, phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, giám sát và ứng phó kịp thời với các sự cố an ninh.

10.10. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng, quân sự địa phương. Tăng cường kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quy hoạch, triển khai khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Tăng cường nguồn lực đầu tư, xây dựng lực lượng Quân đội, Công an tinh cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. *(Thực hiện thường xuyên)*

10.11. Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy đối ngoại nhân dân. *(Thực hiện thường xuyên)*

11. Đảng ủy Quân sự tỉnh (Thực hiện thường xuyên)

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân hiện đại, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh.

- Quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới vùng biển.

- Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, các công trình phòng thủ vững chắc.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền, vai trò tham mưu của ban, ngành, đoàn thể các cấp, nòng cốt là cơ quan quân sự, công an trong xây dựng, hoạt động của khu vực phòng thủ; thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, quy chế phối hợp hiệp đồng giữa lực lượng quân sự, công an, dân quân tự vệ và các lực lượng trong xử lý tình huống phức tạp về quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức lực lượng quân đội phù hợp với địa bàn và chính quyền địa phương hai cấp; xây dựng lực lượng thường trực tỉnh, gọn, mạnh, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp.

- Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Thường xuyên cảnh giác, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng. Thực hiện chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội.

12. Đảng ủy Công an tỉnh (Thực hiện thường xuyên)

- Xây dựng lực lượng Công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân.

- Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, tư tưởng văn hóa, kinh tế, xã hội, thông tin, truyền thông, an ninh mạng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ hiệu quả.

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời giải quyết các vụ việc tiềm ẩn phức tạp, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra gây rối an ninh, bạo loạn, lật đổ; không để hình thành tổ chức chính trị đối lập, hội nhóm trái phép và hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

- Đẩy mạnh phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật.

- Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

- Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng hoạt động ở cơ sở.

- Làm tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06.

13. Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân, Đảng ủy Tòa án nhân dân tỉnh (Thực hiện thường xuyên)

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp; bảo đảm công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo hướng chuyên nghiệp, chính xác, khách quan, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, thượng tôn pháp luật, không để oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

14. Các đảng ủy xã, phường (Thực hiện thường xuyên)

- Tập trung ổn định, nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là hoạt động của chính quyền và chất lượng phục vụ nhân dân, chất lượng dịch vụ công.

- Thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương và bảo đảm an ninh, trật tự xã hội ở cơ sở.

- Tăng cường quản lý nhà nước trên địa bàn, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, ngân sách, tài chính, bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí mới.

- Phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Tăng cường giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại với nhân dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ngay từ cơ sở; không để phát sinh đơn, thư, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, gây phức tạp về an ninh,

trật tự xã hội. Tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, cấp ủy và tổ chức đảng.

1.1. Thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt học tập và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, gắn với Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình. *(Thực hiện thường xuyên)*

1.2. Căn cứ Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I thông qua, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện, báo cáo xin ý kiến đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách trước khi phê duyệt. *(Hoàn thành trong tháng 11/2025)*

1.3. Tham gia thực hiện các chương trình, đề án kèm theo Chương trình hành động này sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện Nghị quyết Đại hội và các chương trình hành động, đề án cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội.

2.1. Tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ việc thực hiện Nghị quyết Đại hội và các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội. *(Thực hiện trong quý III/2027)*

2.2. Tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động. *(Thực hiện trong quý II/2030)*

3. Các đồng chí tỉnh ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ trì hoặc được phân công, theo dõi cơ quan, tổ chức chủ trì trực tiếp chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án.

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát Chương trình hành động; định kỳ tổng hợp, báo cáo theo quy định.

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025 - 2030	Cấp ủy, cơ quan tham mưu, chủ trì
I	XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ		
1	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	90%	
	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm	Từ 3%/tổng số đảng viên trở lên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
2	Công tác kiểm tra, giám sát hằng năm		Ủy ban Kiểm tra
-	Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc chỉ đạo kiểm tra, giám sát các đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Từ 50% trở lên	
-	Đảng ủy cấp trên cơ sở trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc chỉ đạo kiểm tra, giám sát số tổ chức đảng trực thuộc	Từ 50% trở lên	
-	Các đảng ủy cơ sở kiểm tra, giám sát chi bộ trực thuộc	100%	
-	Các chi bộ cơ sở kiểm tra, giám sát số đảng viên trong chi bộ	Từ 15% trở lên	
II	KINH TẾ		
3	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh	10 - 11%	Sở Tài chính
-	Quy mô GRDP đến năm 2030	600.000 tỉ đồng	
-	GRDP bình quân đầu người/năm đến năm 2030	180 triệu đồng	
4	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030	100%	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025 - 2030	Cấp ủy, cơ quan tham mưu, chủ trì
-	Công nghiệp, xây dựng	60%	Sở Công thương
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	40,5%	
-	Thương mại, dịch vụ	27,5%	Sở Công thương
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	4,5%	
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	1.100.000 tỉ đồng	Sở Tài chính
	Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP	47,6%	
6	Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2030	65.000 tỉ đồng	Sở Tài chính
-	Thu nội địa	57.000 tỉ đồng	
	Trong đó: Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất	36.000 tỉ đồng	
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	8.000 tỉ đồng	
7	Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	50%	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân hằng năm	Trên 11%	Sở Công thương
9	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm theo giá so sánh	Trên 10%	Sở Tài chính
10	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030	50%	Sở Xây dựng
11	Xếp hạng các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu	Sở Tài chính
	Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (Par Index)		Sở Nội vụ
	Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI)		Sở Khoa học và Công nghệ
	Xếp hạng chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS)		Sở Nội vụ
	Xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)		Sở Nội vụ
	Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)		Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025 - 2030	Cấp ủy, cơ quan tham mưu, chủ trì
III	VĂN HÓA - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2030		
12	Chỉ số phát triển con người HDI	0,79	Sở Y tế
13	Tuổi thọ trung bình	76,8 năm	Sở Y tế
	Trong đó: Thời gian sống mạnh khỏe tối thiểu	70 tuổi	
14	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	< 1%	Sở Y tế
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	Trên 40,5%	Sở Giáo dục và Đào tạo
16	Về giáo dục và đào tạo		Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia	95%	
-	Trong đó trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia	100%	
17	Về y tế		Sở Y tế
-	Số bác sĩ/1 vạn dân	Trên 15 bác sĩ	
-	Số giường bệnh/1 vạn dân	Trên 43 giường bệnh	
-	Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hằng năm	100%	
18	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm		Sở Y tế
-	Bảo hiểm y tế	99%	
-	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	60%	
19	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	< 0,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Tỷ lệ thất nghiệp chung	< 1,5%	Sở Nội vụ
	Trong đó:		
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	< 1,7%	
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn	< 1,35%	
21	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động	15%	Sở Nội vụ
22	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới		Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025 - 2030	Cấp ủy, cơ quan tham mưu, chủ trì
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	> 70%	
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại	> 15%	
23	Phát triển nhà ở xã hội	47.000 căn	Sở Xây dựng
IV	MÔI TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2030		
24	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
25	Tỷ lệ xử lý chất thải		Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	100%	
-	Chất thải nguy hại được thu gom xử lý an toàn theo quy định	100%	
-	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	100%	
-	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	100%	
-	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	100%	
-	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	Khoảng 70%	
V	QUỐC PHÒNG, AN NINH		
26	Hàng năm kiểm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội	Từ 10% trở lên	Công an tỉnh

PHỤ LỤC 2
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ
QUAN TRỌNG, CỤ THỂ HÓA NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH HUNG YÊN
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
1	Đề án xây dựng Khu kinh tế tự do đa ngành Hưng Yên	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh tế, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Bộ Chính trị/Quốc hội	Nghị quyết
2	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Công thương, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
3	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành đô thị loại I đến năm 2035 và thành phố trực thuộc Trung ương, thông minh, sinh thái đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
4	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm	Đảng ủy Ủy ban	Đảng ủy Sở Tài chính,	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
	kinh tế biển mạnh của phía Bắc giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	nhân dân tỉnh	Khu kinh tế, các đảng ủy liên quan			
5	Đề án tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
6	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
7	Đề án phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
8	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả lĩnh vực thương mại, dịch vụ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Công thương, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
9	Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, Đảng ủy Giáo dục và Đào tạo, các đảng	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
	Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045		ủy liên quan			
10	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hệ thống giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
11	Đề án phát huy giá trị truyền thống văn hóa, con người trở thành động lực phát triển quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
12	Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường; cơ quan, đơn vị liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
13	Đề án cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
14	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
15	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
16	Nghị quyết về tiếp tục phát triển đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025 - 2030	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
17	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghị quyết
18	Chính sách khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý II/2025	Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghị quyết
19	Đề án xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
20	Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
21	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
22	Đề án nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và phát triển tổ chức đảng, đảng viên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
23	Đề án bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
24	Đề án bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã không là người địa phương.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
25	Quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên thay thế Quy định số 1071-QĐ/TU, ngày 05/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quy định
26	Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử của hệ thống chính trị thay thế Quy định số 761-QĐ/TU, ngày 10/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quy định
27	Quy định về luân chuyển cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quy định
28	Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp giai đoạn 2026 - 2030	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đề án

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
29	Đề án đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
30	Đề án tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Chỉ thị
31	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; học tập, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng và công tác vận động quần chúng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
32	Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Các đảng ủy liên quan và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
33	Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
34	Đề án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng và các đảng ủy, sở, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
35	Đề án phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035,	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã và cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
36	Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
37	Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết

STT	Tên chương trình, đề án	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian phê duyệt	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
38	Đề án phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
39	Báo cáo rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Cơ quan có thẩm quyền (thực hiện theo trình tự quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi))	Quyết định

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (sau đây gọi là Đại hội) diễn ra từ ngày 02 đến ngày 03/10/2025 tại phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên với 438 đại biểu dự, đại diện khoảng 182.000 đảng viên toàn Đảng bộ. Với phương châm “*Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển*”, Đại hội thống nhất:

QUYẾT NGHỊ

I- Tán thành Báo cáo chính trị trình Đại hội và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, trong đó:

1. Về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025

Đại hội khẳng định:

Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, nhiều yếu tố bất ổn, khó dự báo; đất nước ta đối diện

với nhiều khó khăn, thách thức hơn thuận lợi do tác động mạnh bởi các yếu tố bất lợi bên ngoài, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Hưng Yên đã kế thừa và phát huy những thành quả đạt được qua các nhiệm kỳ, đoàn kết, thống nhất, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện với nhiều dấu ấn nổi bật, mang tính đột phá, đưa tỉnh Hưng Yên phát triển lên tầm cao mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, Đại hội thống nhất với các hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân, trong đó chủ yếu là nguyên nhân chủ quan đã được chỉ ra trong Báo cáo Chính trị trình Đại hội cần khẩn trương khắc phục, sửa chữa.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả kiểm điểm, đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội thống nhất với 5 bài học kinh nghiệm nêu trong Báo cáo Chính trị trình Đại hội.

2. Về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong nhiệm kỳ 2025 - 2030

2.1. Quan điểm chỉ đạo

Một là, kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; kiên định các nguyên tắc tổ chức và

hoạt động của Đảng; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới và phát triển. Bảo đảm giải quyết các mối quan hệ trong phát triển, nhất là giữa phát triển và ổn định; lấy phát triển để ổn định, lấy ổn định để phát triển nhanh, bền vững hơn.

Hai là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu quả mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản trị xã hội của các cấp chính quyền. Củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, chủ động nhận diện sớm, tận dụng nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người Hưng Yên là nền tảng; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Bốn là, đổi mới tư duy, mở rộng tầm nhìn chiến lược, vững vàng, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, vượt qua giới hạn,

tạo đột phá phát triển, đưa Hưng Yên tiến nhanh, tiến kịp, tiến cùng và vượt lên các địa phương khác. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi nhất huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Tạo bước đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và tính hiệu quả, sức cạnh tranh của tỉnh; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất. Thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới.

Năm là, phát triển nhanh và bền vững dựa vào khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý thuận lợi và liên kết vùng, các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị; kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy mọi nguồn lực, động lực. Phát triển công nghiệp hiện đại là chủ đạo, đô thị văn minh là trung tâm và kinh tế biển bền vững là chủ lực. Phát huy giá trị truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng, anh hùng và con người Hưng Yên trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Phát triển hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh.

2.2. Mục tiêu phát triển

Mục tiêu tổng quát đến năm 2030: Tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của

tổ chức đảng và chất lượng đảng viên; giữ vững nguyên tắc tổ chức, kỷ luật nghiêm minh của Đảng. Xây dựng nền kinh tế năng động và phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh và kinh tế biển mạnh. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần.

Tầm nhìn đến năm 2035: Hưng Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I.

Tầm nhìn đến năm 2045: Hưng Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của văn hóa vùng đồng bằng sông Hồng. Xã hội kỷ cương, ổn định, hài hòa, đoàn kết, an ninh an toàn, văn minh, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc. Nhân dân có cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc.

2.3. Các chỉ tiêu cụ thể

2.3.1. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(1) Hằng năm, tỷ lệ kết nạp đảng viên mới phấn đấu đạt từ 3% trở lên/tổng số đảng viên; có trên 90% tổ chức

cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(2) Hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thực hiện kiểm tra, giám sát ít nhất 50% các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy; đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở trực tiếp kiểm tra, giám sát ít nhất 50% tổ chức đảng trực thuộc; các đảng ủy cơ sở kiểm tra, giám sát 100% chi bộ trực thuộc; các chi bộ cơ sở kiểm tra, giám sát ít nhất 15% số đảng viên trong chi bộ.

2.3.2. Về phát triển kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030: 10 - 11%/năm.

GRDP bình quân đầu người đến năm 2030: Trên 180 triệu đồng.

Quy mô GRDP đến năm 2030: Khoảng 600.000 tỉ đồng.

(2) Cơ cấu kinh tế trong GRDP đến năm 2030:

- Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: 8%.
- Khu vực công nghiệp, xây dựng: 60%.
- Khu vực dịch vụ: 27,5%.
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 4,5%.

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030: Khoảng 1.100.000 tỉ đồng.

Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030: 47,6%.

(4) Tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2030: Khoảng 65.000 tỉ đồng.

Trong đó, thu nội địa: Khoảng 57.000 tỉ đồng (thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất: Khoảng 36.000 tỉ đồng); thu xuất, nhập khẩu: Khoảng 8.000 tỉ đồng.

(5) Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026 - 2030: 50%.

(6) Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân giai đoạn 2026 - 2030: Trên 11%/năm.

(7) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2026 - 2030: Trên 10%/năm.

(8) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030: 50%.

(9) Xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đến năm 2030: Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu.

2.3.3. Về phát triển xã hội

(1) Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030: 0,79.

(2) Tuổi thọ bình quân đến năm 2030: 76,8 năm, trong đó, thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 70 năm.

(3) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân giai đoạn 2026 - 2030: Dưới 1%.

(4) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030: Trên 40,5%.

(5) Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030: 95%; trong đó, 100% trường

mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia.

(6) Số bác sĩ/10.000 dân đến năm 2030: Trên 15 bác sĩ.

(7) Số giường bệnh/10.000 dân đến năm 2030: Trên 43 giường bệnh.

(8) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2030: 99% dân số.

(9) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm đến năm 2030: 60%.

(10) Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hằng năm: 100%.

(11) Tỷ lệ thất nghiệp chung đến năm 2030: Dưới 1,5%; trong đó:

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị: Dưới 1,7%.

- Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn: Dưới 1,35%.

(12) Phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030: Đạt 47.000 căn.

(13) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2030: Dưới 0,5%.

(14) Tỷ trọng lao động nông nghiệp đến năm 2030: 15%.

(15) Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2030: Trên 70%¹.

(16) Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại đến năm 2030: Trên 15%.

2.3.4. Về bảo vệ môi trường

(1) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đến năm 2030: 100%.

1. Nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại theo chuẩn của giai đoạn 2025 - 2030.

(2) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030: 100%.

(3) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định đến năm 2030: 100%.

(4) Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030: 100%.

(5) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đến năm 2030: 100%.

(6) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030: 100%.

(7) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông: Khoảng 70%.

2.3.5. Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Bảo đảm vững chắc quân sự, quốc phòng địa phương và giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, kịp thời phòng ngừa, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống. Xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ tỉnh trong tình hình mới; tạo môi trường ổn định để phát triển nhanh, bền vững. Hằng năm, kiểm chế, kéo giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội.

2.4. Nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược

2.4.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Một là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới đồng bộ phương thức và nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; tiếp tục hoàn thiện và bảo đảm đầy đủ các điều kiện để mô hình chính quyền địa phương hai cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự sát dân, gần dân, phục vụ nhân dân tốt hơn. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ đức, tài, phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; củng cố, tăng cường lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền các cấp.

Hai là, phát triển kinh tế nhanh, bền vững toàn diện tỉnh Hưng Yên dựa trên 5 trụ cột chủ yếu: (i) Phát triển nền công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động và thân thiện môi trường trên cơ sở tạo lập hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ; (ii) Phát triển nền nông nghiệp sạch, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; (iii) Phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững gắn với phát triển kinh tế đô thị và

dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao; (iv) Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng; (v) Phát triển kinh tế biển bền vững với mô hình khu kinh tế tự do đa ngành đối chuẩn quốc tế trên cơ sở chuyển đổi khu kinh tế hiện có gắn với lấn biển trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, năng lượng mới, dịch vụ vận tải, logistics, cảng biển, sân bay, đô thị nghỉ dưỡng biển, giải trí.

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển mới và yêu cầu khai thác tối ưu tiềm năng, lợi thế, không gian rộng mở của tỉnh; định vị và xác định hợp lý các vùng động lực, trục phát triển, trung tâm đô thị, hành lang kinh tế trên cơ sở các trục giao thông chiến lược, ven biển, ven sông.

Ba là, tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ và triển khai thực hiện hiệu quả hệ thống các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch hỗ trợ đổi mới mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa; tháo gỡ triệt để những điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và huy động, sử dụng tối đa các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế. Đổi mới phương thức quản trị xã hội, quản lý phát triển hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược.

Hoàn thiện và vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; xây dựng chính quyền liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ người dân. Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường tính minh bạch, công khai, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực, kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh cải cách hành chính đi đôi với chuyển đổi số, không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, người dân và doanh nghiệp.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển. Xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện về thể lực, tầm vóc, trí tuệ, đạo đức, nhân cách, có ý chí vươn lên mạnh mẽ, có khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Đổi mới toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phát triển hệ thống y tế đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Năm là, tập trung nâng cao năng lực bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vì mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường triển khai đồng bộ các giải pháp “phòng” đi đôi với “chống” ô nhiễm môi trường,

kiểm soát an toàn các nguồn phát thải. Thực hiện các mô hình sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn.

Sáu là, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ tỉnh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, an toàn để phát triển kinh tế - xã hội.

2.4.2. Các đột phá chiến lược

Một là, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu; kinh tế tư nhân là một động lực phát triển quan trọng nhất, là đòn bẩy của kinh tế địa phương, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động, tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế và phát triển năng lực sản xuất, kinh doanh với các mô hình, phương thức mới.

Hai là, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng số và hệ thống giao thông; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đa phương thức, cảng biển, các trục giao thông kết nối với các đường cao tốc, quốc lộ, kết nối tỉnh Hưng Yên với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng duyên hải Bắc Bộ; các tuyến đường trục kết nối các trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị, thương mại, du lịch của tỉnh.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa, chuyển đổi số; tăng cường thu hút và trọng dụng nhân tài. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, trình độ, đạo đức, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh.

2.5. Các giải pháp chủ yếu

2.5.1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức; đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao năng lực, vai trò, hiệu quả lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng; tiếp tục kiện toàn và bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị sau sắp xếp. Xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân phục vụ; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Phát triển đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. Tăng cường công tác nội chính, thanh tra, cải cách tư pháp; đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Đổi mới,

nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân; thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2.5.2. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cơ cấu lại toàn diện và phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát huy các tiềm năng, thế mạnh để đưa Hưng Yên trở thành một trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng. Cơ cấu lại toàn diện, phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, công nghệ cao, quy mô lớn; phát triển kinh tế nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn cao hơn. Phát triển mạnh mẽ thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với đẩy nhanh đô thị hoá. Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng biển, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng. Tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách địa phương theo hướng bền vững, hiệu quả hơn; đa dạng hóa nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản công. Phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định

giá cả hàng hoá. Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế biển, năng lượng, công nghiệp và hạ tầng số. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai các mô hình kinh tế mới, mang tính sáng tạo là nền tảng, động lực, tạo đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, tăng năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế; tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kiên quyết xử lý dứt điểm các “điểm nóng” ô nhiễm môi trường.

2.5.3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, con người Hưng Yên; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả y tế, giáo dục, đào tạo; cải thiện an sinh, phúc lợi xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hưng Yên toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ; lấy con người làm trung tâm trong chính sách phát triển. Phát triển công nghiệp văn hóa, thể thao. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng

yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện. Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống an sinh, phúc lợi xã hội đồng bộ, tiến bộ, công bằng, bền vững.

2.5.4. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng, quân sự địa phương; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy đối ngoại nhân dân. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân hiện đại, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh. Xây dựng lực lượng Công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân, lấy người dân địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm. Tăng cường hợp tác phát triển quốc tế về đầu tư, thu hút các nguồn vốn nước ngoài, du lịch, xuất khẩu, lao động, văn hóa, giáo dục, đào tạo.

II- Đại hội cơ bản thống nhất với Dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến thảo luận, tham gia tại Đại hội để hoàn thiện, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội. Căn cứ tình hình thực tiễn, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 lãnh đạo khẩn trương xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án quan trọng nêu trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội.

III- Thông qua Báo cáo Kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp thu ý kiến của Đại hội, tiếp tục phát huy kết quả, ưu điểm, kiên quyết khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra tại Báo cáo chính trị trình Đại hội.

IV- Thông qua Báo cáo Tổng hợp ý kiến tham gia Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn thiện văn bản, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

V- Đại hội công bố các quyết định của Bộ Chính trị về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và chỉ định đại biểu của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Hưng Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này để phát triển tỉnh Hưng Yên nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, giàu đẹp, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, sẵn sàng cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng của dân tộc Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
- Đoàn kết, thống nhất, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tự tin, tự lực, tự cường, tạo đột phá phát triển tỉnh Hưng Yên nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, giàu đẹp, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc <i>(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030)</i>	5
- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030	131
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030	180

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH
ThS. NGUYỄN THỊ THÚY
LÊ THỊ BÍCH
LÊ THỊ PHƯƠNG

Trình bày bìa: VŨ HƯƠNG GIANG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in: TẠ THỊ THU THỦY
Đọc sách mẫu: NGUYỄN THỊ THÚY

In 3.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Công ty TNHH in Thanh Bình.
Địa chỉ: Số 432/K2 - Cầu Diễn - Nam Từ Liêm - Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 4049-2025/CXBIPH/3-411/CTQG.
Quyết định xuất bản số: 4949-QĐ/NXBCTQG, ngày 20/10/2025.
Mã số ISBN: 978-604-46-0670-5.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2025.